**TRẮC NGHIỆM SINH HỌC 8 THEO TỪNG CHƯƠNG**

**CHƯƠNG 1**

**Câu 1.** Con người là một trong những đại diện của

**A.** lớp Chim.

**B.** lớp Lưỡng cư.

**C.** lớp Bò sát.

**D.** lớp Thú.

**Câu 2.** Con người khác với động vật có vú ở điểm nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Biết chế tạo công cụ lao động vào những mục đích nhất định

**C.** Biết tư duy

**D.** Có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết)

**Câu 3.** Sinh học 8 có nhiệm vụ là gì ?

**A.** Cung cấp những kiến thức cơ bản đặc điểm cấu tạo, chưc năng của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường

**B.** Cung cấp những hiểu biết về phòng chống bệnh tật và rèn luyện thân thể

**C.** Làm sáng tỏ một số hiện tượng thực tế xảy ra trên cơ thể con người

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 4.** Để tìm hiểu về cơ thể người, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào sau đây ?

1. Quan sát tranh ảnh, mô hình… để hiểu rõ đặc điểm hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể.

2. Tiến hành làm thí nghiệm để tìm ra những kết luận khoa học về chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

3. Vận dụng những hiểu biết khoa học để giải thích các hiện tượng thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp vệ sinh và rèn luyện thân thể.

**A.** 1, 2, 3

**B.** 1, 2

**C.** 1, 3

**D.** 2, 3

**Câu 5.** Yếu tố nào dưới đây đóng vai trò cốt lõi, giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên ?

**A.** Bộ não phát triển

**B.** Lao động

**C.** Sống trên mặt đất

**D.** Di chuyển bằng hai chân

**Câu 6.** Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở người mà không có ở động vật khác ?

1. Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn

2. Đi bằng hai chân

3. Có ngôn ngữ và tư duy trừu tượng

4. Răng phân hóa

5. Phần thân có hai khoang : khoang ngực và khoang bụng ngăn cách nhau bởi cơ hoành

**A.** 1, 3

**B.** 1, 2, 3

**C.** 2, 4, 5

**D.** 1, 3, 4

**Câu 7.** Đặc điểm nào dưới đây xuất hiện ở cả người và mọi động vật có vú khác ?

**A.** Có chu kì kinh nguyệt từ 28 – 32 ngày

**B.** Đi bằng hai chân

**C.** Nuôi con bằng sữa mẹ

**D.** Xương mặt lớn hơn xương sọ

**Câu 8.** Kiến thức về cơ thể người và vệ sinh có liên quan mật thiết với ngành nào dưới đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Tâm lý giáo dục học

**C.** Thể thao

**D.** Y học

**Câu 9.** Trong giới Động vật, loài sinh vật nào hiện đứng đầu về mặt tiến hóa ?

**A.** Con người       **B.** Gôrila **C.** Đười ươi       **D.** Vượn

**Câu 10.** Loài động vật nào dưới đây có nhiều đặc điểm tương đồng với con người nhất ?

**A.** Cu li       **B.** Khỉ đột **C.** Tinh tinh       **D.** Đười ươi

**Câu 11.** Ở cơ thể người, cơ quan nào dưới đây nằm trong khoang ngực ?

**A.** Bóng đái       **B.** Phổi **C.** Thận       **D.** Dạ dày

**Câu 12.** Ở người, khoang bụng và khoang ngực ngăn cách nhau bởi bộ phận nào ?

**A.** Cơ hoành

**B.** Cơ ức đòn chũm

**C.** Cơ liên sườn

**D.** Cơ nhị đầu

**Câu 13.** Trong cơ thể người, ngoài hệ thần kinh và hệ nội tiết thì hệ cơ quan nào có mối liên hệ trực tiếp với các hệ cơ quan còn lại ?

**A.** Hệ tiêu hóa

**B.** Hệ bài tiết

**C.** Hệ tuần hoàn

**D.** Hệ hô hấp

**Câu 14.** Hệ cơ quan nào dưới đây có vai trò điều khiển và điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan khác trong cơ thể ?

1. Hệ hô hấp

2. Hệ sinh dục

3. Hệ nội tiết

4. Hệ tiêu hóa

5. Hệ thần kinh

6. Hệ vận động

**A.** 1, 2, 3

**B.** 3, 5

**C.** 1, 3, 5, 6

**D.** 2, 4, 6

**Câu 15.** Khi chúng ta bơi cật lực, hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường độ hoạt động ?

**A.** Hệ tuần hoàn

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Hệ vận động

**D.** Hệ hô hấp

**Câu 16.** Khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng ta sẽ trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Ví dụ trên phản ánh điều gì ?

1. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau
2. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương
3. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng
4. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 17.** Cơ thể người được phân chia thành mấy phần ? Đó là những phần nào ?

**A.** 3 phần : đầu, thân và chân

**B.** 2 phần : đầu và thân

**C.** 3 phần : đầu, thân và các chi

**D.** 3 phần : đầu, cổ và thân

**Câu 18.** Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người ?

**A.** Hệ tuần hoàn

**B.** Hệ hô hấp

**C.** Hệ tiêu hóa

**D.** Hệ bài tiết

**Câu 19.** Da là nơi đi đến của hệ cơ quan nào dưới đây ?

**A.** Hệ tuần hoàn

**B.** Hệ thần kinh

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Hệ bài tiết

**Câu 20.** Thanh quản là một bộ phận của

**A.** hệ hô hấp.

**B.** hệ tiêu hóa.

**C.** hệ bài tiết.

**D.** hệ sinh dục.

**Câu 21.** Trong tế bào, ti thể có vai trò gì ?

**A.** Thu nhận, hoàn thiện và phân phối các sản phẩm chuyển hóa vật chất đi khắp cơ thể

**B.** Tham gia vào hoạt động hô hấp, giúp sản sinh năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động sống của tế bào

**C.** Tổng hợp prôtêin

**D.** Tham gia vào quá trình phân bào

**Câu 22.** Bào quan nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?

**A.** Bộ máy Gôngi

**B.** Lục lạp

**C.** Nhân

**D.** Trung thể

**Câu 23.** Trong nhân tế bào, quá trình tổng hợp ARN ribôxôm diễn ra chủ yếu ở đâu ?

**A.** Dịch nhân

**B.** Nhân con

**C.** Nhiễm sắc thể

**D.** Màng nhân

**Câu 24.** Nguyên tố hóa học nào được xem là nguyên tố đặc trưng cho chất sống

**A.** Cacbon      **B.** Ôxi

**C.** Lưu huỳnh      **D.** Nitơ

**Câu 25.** Nguyên tố hóa học nào dưới đây tham gia cấu tạo nên prôtêin, lipit, gluxit và cả axit nuclêic ?

**A.** Hiđrô

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Ôxi

**D.** Cacbon

**Câu 26.** Tỉ lệ H : O trong các phân tử gluxit có giá trị như thế nào ?

**A.** 1 : 1      **B.** 1 : 2

**C.** 2 : 1      **D.** 3 : 1

**Câu 27.** Trong các tế bào dưới đây của cơ thể người, có bao nhiêu tế bào có hình sao ?

1. Tế bào thần kinh

2. Tế bào lót xoang mũi

3. Tế bào trứng

4. Tế bào gan

5. Tế bào xương

**A.** 2

**B.** 3

**C.** 4

**D.** 1

**Câu 28.** Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất ?

**A.** Tế bào thần kinh

**B.** Tế bào cơ vân

**C.** Tế bào xương

**D.** Tế bào da

**Câu 29.** Thành phần nào dưới đây cần cho hoạt động trao đổi chất của tế bào ?

**A.** Ôxi

**B.** Chất hữu cơ (prôtêin, lipit, gluxit…)

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Nước và muối khoáng

**Câu 30.** Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng ?

**A.** Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể

**B.** Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng

**C.** Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau

**D.** Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau

**Câu 31.** Các mô biểu bì có đặc điểm nổi bật nào sau đây ?

**A.** Gồm những tế bào trong suốt, có vai trò xử lý thông tin

**B.** Gồm các tế bào chết, hóa sừng, có vai trò chống thấm nước

**C.** Gồm các tế bào xếp sít nhau, có vai trò bảo vệ, hấp thụ hoặc tiết

**D.** Gồm các tế bào nằm rời rạc với nhau, có vai trò dinh dưỡng

**Câu 32.** Máu được xếp vào loại mô gì ?

**A.** Mô thần kinh

**B.** Mô cơ

**C.** Mô liên kết

**D.** Mô biểu bì

**Câu 33.** Dựa vào phân loại, em hãy cho biết mô nào dưới đây không được xếp cùng nhóm với các mô còn lại ?

**A.** Mô máu

**B.** Mô cơ trơn

**C.** Mô xương

**D.** Mô mỡ

**Câu 34.** Hệ cơ ở người được phân chia thành mấy loại mô ?

**A.** 5 loại      **B.** 4 loại

**C.** 3 loại      **D.** 2 loại

**Câu 35.** Tế bào cơ trơn và tế bào cơ tim giống nhau ở đặc điểm nào sau đây ?

**A.** Chỉ có một nhân

**B.** Có vân ngang

**C.** Gắn với xương

**D.** Hình thoi, nhọn hai đầu

**Câu 36.** Nơron là tên gọi khác của

**A.** tế bào cơ vân.

**B.** tế bào thần kinh.

**C.** tế bào thần kinh đệm.

**D.** tế bào xương.

**Câu 37.** Khi nói về sự tạo thành xináp, nhận định nào dưới đây là đúng ?

1. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron này với đầu mút sợi nhánh của nơron khác

2. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron này với đầu mút sợi trục của nơron khác

3. Được tạo thành giữa đầu mút sợi nhánh của nơron này với đầu mút sợi nhánh của nơron khác

4. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron với cơ quan phản ứng

**A.** 1, 4

**B.** 1, 3, 4

**C.** 2, 3

**D.** 2, 4

**Câu 38.** Trong cơ thể người, loại mô nào có chức năng nâng đỡ và là cầu nối giữa các cơ quan ?

**A.** Mô cơ

**B.** Mô thần kinh

**C.** Mô biểu bì

**D.** Mô liên kết

**Câu 39.** Trong cơ thể người có mấy loại mô chính ?

**A.** 5 loại      **B.** 2 loại

**C.** 4 loại      **D.** 3 loại

**Câu 40.** Nơron có hai chức năng cơ bản, đó là gì ?

**A.** Cảm ứng và phân tích các thông tin

**B.** Dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin

**C.** Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh

**D.** Tiếp nhận và trả lời kích thích

**Câu 41.** Cảm ứng là gì ?

**A.** Là khả năng phân tích thông tin và trả lời các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.

**B.** Là khả năng làm phát sinh xung thần kinh và dẫn truyền chúng tới trung khu phân tích.

**C.** Là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin bằng cách phát sinh xung thần kinh.

**D.** Là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.

**Câu 42.** Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm ?

**A.** Hình thái

**B.** Tuổi thọ

**C.** Chức năng

**D.** Cấu tạo

**Câu 43.** Nhóm nào dưới đây gồm những nơron có thân nằm trong trung ương thần kinh ?

**A.** Nơron cảm giác, nơron liên lạc và nơron vận động

**B.** Nơron cảm giác và nơron vận động

**C.** N ron liên lạc và nơron cảm giác

**D.** Nơron liên lạc và nơron vận động

**Câu 44.** Loại xung thần kinh nào dưới đây không xuất hiện trong một cung phản xạ ?

1. Xung thần kinh li tâm

2. Xung thần kinh li tâm điều chỉnh

3. Xung thần kinh thông báo ngược

4. Xung thần kinh hướng tâm

**A.** 1, 2

**B.** 2, 3

**C.** 1, 4

**D.** 1, 3

**Câu 45.** Một cung phản xạ được xây dựng từ bao nhiêu yếu tố ?

**A.** 5 yếu tố

**B.** 4 yếu tố

**C.** 3 yếu tố

**D.** 6 yếu tố

**Câu 46.** Trong phản xạ rụt tay khi chạm vào vật nóng thì trung tâm xử lý thông tin nằm ở đâu ?

**A.** Bán cầu đại não

**B.** Tủy sống

**C.** Tiểu não

**D.** Trụ giữa

**Câu 47.** Vận tốc truyền xung thần kinh trên dây thần kinh có bao miêlin ở người khoảng

**A.** 200 m/s.      **B.** 50 m/s.

**C.** 100 m/s.      **D.** 150 m/s.

**Câu 48.** Phát biểu nào sau đây là chính xác ?

**A.** Vòng phản xạ được xây dựng từ 4 yếu tố : cơ quan thụ cảm, nơron trung gian, nơron hướng tâm và cơ quan phản ứng.

**B.** Vòng phản xạ bao gồm cung phản xạ và đường liên hệ ngược.

**C.** Cung phản xạ bao gồm vòng phản xạ và đường liên hệ ngược.

**D.** Cung phản xạ được xây dựng từ 3 yếu tố : cơ quan thụ cảm, nơron trung gian và cơ quan phản ứng.

**Câu 49.** Một người giơ tay với chùm nhãn nhưng không chạm tới, người này bèn kiễng chân lên để hái. Đây là một ví dụ về

**A.** vòng phản xạ.

**B.** cung phản xạ

**C.** phản xạ không điều kiện.

**D.** sự thích nghi.

**CHƯƠNG 2: VẬN ĐỘNG**

**Câu 1.** Hiện tượng uốn cong hình chữ S của xương cột sống ở người có ý nghĩa thích nghi như thế nào ?

**A.** Tất cả các phương án đưa ra

**B.** Giúp phân tán lực đi các hướng, giảm xóc và sang chấn vùng đầu

**C.** Giúp giảm áp lực của xương cột sống lên vùng ngực và cổ

**D.** Giúp giảm thiểu nguy cơ rạn nứt các xương lân cận khi di chuyển

**Câu 2.** Con người có bao nhiêu đôi xương sườn cụt không gắn với xương ức qua phần sụn ?

**A.** 4 đôi      **B.** 3 đôi

**C.** 1 đôi      **D.** 2 đôi

**Câu 3.** Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài ?

**A.** Xương hộp sọ

**B.** Xương đùi

**C.** Xương cánh chậu

**D.** Xương đốt sống

**Câu 4.** Xương nào dưới đây có hình dạng và cấu tạo có nhiều sai khác với các xương còn lại ?

**A.** Xương đốt sống

**B.** Xương bả vai

**C.** Xương cánh chậu

**D.** Xương sọ

**Câu 5.** Bao hoạt dịch có ở loại khớp nào dưới đây ?

**A.** Tất cả các phương án đưa ra

**B.** Khớp bất động

**C.** Khớp bán động

**D.** Khớp động

**Câu 6.** Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động ?

**A.** Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân

**B.** Khớp giữa các xương hộp sọ

**C.** Khớp giữa các đốt sống

**D.** Khớp giữa các đốt ngón tay

**Câu 1.** Trong xương dài, vai trò phân tán lực tác động thuộc về thành phần nào dưới đây ?

**A.** Mô xương cứng

**B.** Mô xương xốp

**C.** Sụn bọc đầu xương

**D.** Màng xương

**Câu 2.** Ở xương dài, màng xương có chức năng gì ?

**A.** Giúp giảm ma sát khi chuyển động

**B.** Giúp xương dài ra

**C.** Giúp xương phát triển to về bề ngang

**D.** Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

**Câu 3.** Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ ?

**A.** Mô xương xốp và khoang xương

**B.** Mô xương cứng và mô xương xốp

**C.** Khoang xương và màng xương

**D.** Màng xương và sụn bọc đầu xương

**Câu 4.**Chọn cặp từ thích hợp để điền vào các chỗ trống trong câu sau : Xương to ra về bề ngang là nhờ các tế bào …(1)… tạo ra những tế bào mới đẩy …(2)… và hóa xương.

**A.** (1) : mô xương cứng ; (2) : ra ngoài

**B.** (1) : mô xương xốp ; (2) : vào trong

**C.** (1) : màng xương ; (2) : ra ngoài

**D.** (1) : màng xương ; (2) : vào trong

**Câu 5.** Ở người già, trong khoang xương có chứa gì ?

**A.** Máu      **B.** Mỡ

**C.** Tủy đỏ      **D.** Nước mô

**Câu 6.** Thành phần nào dưới đây không có trong cấu tạo của xương ngắn ?

**A.** Mô xương cứng

**B.** Mô xương xốp

**C.** Khoang xương

**D.** Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 7.** Ở trẻ em, tủy đỏ là nơi sản sinh

**A.** tiểu cầu.

**B.** hồng cầu.

**C.** bạch cầu limphô.

**D.** đại thực bào.

**Câu 8.** Chất khoáng chủ yếu cấu tạo nên xương người là

**A.** sắt.      **B.** canxi.

**C.** phôtpho.      **D.** magiê.

**Câu 9.** Sự mềm dẻo của xương có được là nhờ thành phần nào ?

**A.** Nước

**B.** Chất khoáng

**C.** Chất cốt giao

**D.** Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 10.**Các nan xương sắp xếp như thế nào trong mô xương xốp ?

**A.** Xếp nối tiếp nhau tạo thành các rãnh chứa tủy đỏ

**B.** Xếp theo hình vòng cung và đan xen nhau tạo thành các ô chứa tủy đỏ

**C.** Xếp gối đầu lên nhau tạo ra các khoang xương chứa tủy vàng

**D.** Xếp thành từng bó và nằm giữa các bó là tủy đỏ

**Câu 1.** Cơ thể người có khoảng bao nhiêu cơ ?

**A.** 400 cơ

**B.** 600 cơ

**C.** 800 cơ

**D.** 500 cơ

**Câu 2.** Chọn từ thích hợp để điền vào dấu ba chấm trong câu sau : Mỗi … là một tế bào cơ.

**A.** bó cơ      **B.** tơ cơ

**C.** tiết cơ      **D.** sợi cơ

**Câu 3.** Khi nói về cơ chế co cơ, nhận định nào sau đây là đúng ?

**A.** Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ ngắn lại.

**B.** Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ dài ra.

**C.** Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ dài ra.

**D.** Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.

**Câu 4.** Bắp cơ vân có hình dạng như thế nào ?

**A.** Hình cầu      **B.** Hình trụ

**C.** Hình đĩa      **D.** Hình thoi

**Câu 5.** Cơ có hai tính chất cơ bản, đó là

**A.** co và dãn.

**B.** gấp và duỗi.

**C.** phồng và xẹp.

**D.** kéo và đẩy.

**Câu 6.** Trong tế bào cơ, tiết cơ là

**A.** phần tơ cơ nằm trong một tấm Z

**B.** phần tơ cơ nằm liền sát hai bên một tấm Z.

**C.** phần tơ cơ nằm giữa hai tấm Z.

**D.** phần tơ cơ nằm trong một tế bào cơ (sợi cơ).

**Câu 7.** Cơ sẽ bị duỗi tối đa trong trường hợp nào dưới đây ?

**A.** Mỏi cơ      **B.** Liệt cơ

**C.** Viêm cơ      **D.** Xơ cơ

**Câu 8.** Trong cử động gập cánh tay, các cơ ở hai bên cánh tay sẽ

**A.** co duỗi ngẫu nhiên.

**B.** co duỗi đối kháng.

**C.** cùng co.

**D.** cùng duỗi

**Câu 9.** Tơ cơ gồm có mấy loại ?

**A.** 3      **B.** 4

**C.** 2      **D.** 5

**Câu 10.** Trong sợi cơ, các loại tơ cơ sắp xếp như thế nào ?

**A.** Xếp song song và xen kẽ nhau

**B.** Xếp nối tiếp nhau

**C.** Xếp chồng gối lên nhau

**D.** Xếp vuông góc với nhau

**Câu 11.** Khi ném quả bóng vào một rổ treo trên cao, chúng ta đã tạo ra

**A.** phản lực.      **B.** lực đẩy.

**C.** lực kéo.      **D.** lực hút.

**Câu 12.** Gọi F là lực tác động để một vật di chuyển, s là quãng đường mà vật di chuyển sau khi bị tác động lực thì A – công sản sinh ra sẽ được tính bằng biểu thức :

**A.** A = F+s      **B.** A = F.s

**C.** A = F/s.      **D.** A = s/F.

**Câu 13.** Trong cơ thể người, năng lượng cung cấp cho hoạt động co cơ chủ yếu đến từ đâu ?

**A.** Từ sự ôxi hóa các chất dinh dưỡng

**B.** Từ quá trình khử các hợp chất hữu cơ

**C.** Từ sự tổng hợp vitamin và muối khoáng

**D.** Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 14.** Hiện tượng mỏi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào ?

**A.** Axit axêtic

**B.** Axit malic

**C.**Axit acrylic

**D.** Axit lactic

**Câu 15.** Để tăng cường khả năng sinh công của cơ và giúp cơ làm việc dẻo dai, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Tắm nóng, tắm lạnh theo lộ trình phù hợp để tăng cường sức chịu đựng của cơ

**B.** Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao

**C.** Lao động vừa sức

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 16.** Khi bị mỏi cơ, chúng ta cần làm gì ?

**A.** Nghỉ ngơi hoặc thay đổi trạng thái cơ thể

**B.** Xoa bóp tại vùng cơ bị mỏi để tăng cường lưu thông máu

**C.** Cả A và B

**D.** Uống nhiều nước lọc

**Câu 17.** Chúng ta thường bị mỏi cơ trong trường hợp nào sau đây ?

**A.** Giữ nguyên một tư thế trong nhiều giờ

**B.** Lao động nặng trong gian dài

**C.** Tập luyện thể thao quá sức

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 8.** Hoạt động của cơ hầu như không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây ?

**A.** Trạng thái thần kinh

**B.** Màu sắc của vật cần di chuyển

**C.** Nhịp độ lao động

**D.** Khối lượng của vật cần di chuyển

**Câu 19.** Biên độ co cơ có mối tương quan như thế nào với khối lượng của vật cần di chuyển ?

**A.** Biên độ co cơ chỉ phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển mà không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác

**B.** Biên độ co cơ không phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển

**C.** Biên độ co cơ tỉ lệ thuận với khối lượng của vật cần di chuyển

**D.** Biên độ co cơ tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật cần di chuyển

**Câu 20.** Sự mỏi cơ xảy ra chủ yếu là do sự thiếu hụt yếu tố dinh dưỡng nào ?

**A.** Ôxi

**B.** Nước

**C.** Muối khoáng

**D.** Chất hữu cơ

**Câu 21.** Bạch cầu đươc phân chia thành mấy loại chính ?

**A.** 3 loại      **B.** 4 loại

**C.** 5 loại      **D.** 6 loại

**Câu 22.** Đặc điểm nào dưới đây không có ở hồng cầu người ?

**A.** Hình đĩa, lõm hai mặt

**B.** Nhiều nhân, nhân nhỏ và nằm phân tán

**C.** Màu đỏ hồng

**D.** Tham gia vào chức năng vận chuyển khí

**Câu 3.** Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi ?

**A.** N2      **B.** CO2

**C.** O2      **D.** CO

**Câu 24.** Chúng ta sẽ bị mất nhiều nước trong trường hợp nào sau đây ?

**A.** Tiêu chảy

**B.** Lao động nặng

**C.** Sốt cao

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 25.** Bộ xương người và bộ xương thú khác nhau ở đặc điểm nào sau đây ?

**A.** Số lượng xương ức

**B.** Hướng phát triển của lồng ngực

**C.** Sự phân chia các khoang thân

**D.** Sự sắp xếp các bộ phận trên cơ thể

**Câu 26.** Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở bộ xương người mà không tồn tại ở các loài động vật khác ?

**A.** Xương cột sống hình cung

**B.** Lồng ngực phát triển rộng ra hai bên

**C.** Bàn chân phẳng

**D.** Xương đùi bé

**Câu 27.** Sự khác biệt trong hình thái, cấu tạo của bộ xương người và bộ xương thú chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây ?

**A.** Tư thế đứng thẳng và quá trình lao động

**B.** Sống trên mặt đất và cấu tạo của bộ não

**C.** Tư thế đứng thẳng và cấu tạo của bộ não

**D.** Sống trên mặt đất và quá trình lao động

**Câu 28.** Vì sao xương đùi của con người lại phát triển hơn so với phần xương tương ứng của thú ?

**A.** Vì con người cường độ hoạt động mạnh hơn các loài thú khác nên kích thước các xương chi (bao gồm cả xương đùi) phát triển hơn.

**B.** Vì con người có tư thế đứng thẳng nên trọng lượng phần trên cơ thể tập trung dồn vào hai chân sau và xương đùi phát triển để tăng khả năng chống đỡ cơ học.

**C.** Vì xương đùi ở người nằm ở phần dưới cơ thể nên theo chiều trọng lực, chất dinh dưỡng và canxi tập trung tại đây nhiều hơn, khiến chúng phát triển lớn hơn so với thú.

**D.** Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 29.** Bàn chân hình vòm ở người có ý nghĩa thích nghi như thế nào ?

**A.** Làm giảm tác động lực, tránh được các sang chấn cơ học lên chi trên khi di chuyển.

**B.** Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của bề mặt bàn chân vào đất bởi đây là nơi tập trung nhiều đầu mút thần kinh, có tính nhạy cảm cao.

**C.** Phân tán lực và tăng cường độ bám vào giá thể/ mặt đất khi di chuyển, giúp con người có những bước đi vững chãi, chắc chắn.

**D.** Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 30.** Trong bàn tay người, ngón nào có khả năng cử động linh hoạt nhất ?

**A.** Ngón út      **B.** Ngón giữa

**C.** Ngón cái      **D.** Ngón trỏ

**Câu 31.** Để cơ và xương phát triển cân đối, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Khi đi, đứng hay ngồi học/làm việc cần giữ đúng tư thế, tránh cong vẹo cột sống

**B.** Lao động vừa sức

**C.** Rèn luyện thân thể thường xuyên

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 32.** Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở con người ?

**A.** Xương lồng ngực phát triển theo hướng lưng – bụng

**B.** Lồi cằm xương mặt phát triển

**C.** Xương cột sống hình vòm

**D.** Cơ mông tiêu giảm

**Câu 33.** Cơ vận động lưỡi của con người phát triển hơn các loài thú là do chúng ta có khả năng

**A.** nuốt.      **B.** viết.

**C.** nói.      **D.** nhai.

**Câu 10.** Bộ phận nào dưới đây của con người có sự phân hóa cơ rõ rệt hơn hẳn so với thú ?

1. Mặt

2. Bàn tay (tương ứng với bàn chân trước của thú)

3. Đùi

4. Thắt lưng

**A.** 1, 2

**B.** 1, 4

**C.** 1, 2, 3, 4

**D.** 2, 3, 4

**Chương 3: TUẦN HOÀN**

**Câu 1.** Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích ?

**A.** 75%      **B.** 60%

**C.** 45%      **D.** 55%

**Câu 2.** Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây ?

**A.** Huyết tương

**B.** Hồng cầu

**C.** Bạch cầu

**D.** Tiểu cầu

**Câu 3.** Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào ?

**A.** Hêmôerythrin

**B.** Hêmôxianin

**C.** Hêmôglôbin

**D.** Miôglôbin

**Câu 4.** Trong cơ thể sống, tế bào nằm chìm ngập trong loại dịch nào ?

**A.** Nước mô

**B.** Máu

**C.** Dịch bạch huyết

**D.** Dịch nhân

**Câu 5.** Ở Việt Nam, số lượng hồng cầu trung bình của nam giới là :

**A.** 4,4 – 4,6 triệu/ml máu.

**B.** 3,9 – 4,1 triệu/ml máu.

**C.** 5,4 – 5,6 triệu/ml máu.

**D.** 4,8 – 5 triệu/ml máu.

**Câu 6.** Các tế bào máu ở người được phân chia thành mấy loại chính ?

**A.** 5 loại      **B.** 4 loại

**C.** 3 loại      **D.** 2 loại

**Câu 7.** Đại thực bào là do loại bạch cầu nào phát triển thành ?

**A.** Bạch cầu ưa kiềm

**B.** Bạch cầu mônô

**C.** Bạch cầu limphô

**D.** Bạch cầu trung tính

**Câu 8.** Loại bạch cầu nào dưới đây tham gia vào hoạt động thực bào ?

**A.** Bạch cầu trung tính

**B.** Bạch cầu limphô

**C.** Bạch cầu ưa kiềm

**D.** Bạch cầu ưa axit

**Câu 9.** Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virut thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó, chúng sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của

**A.** bạch cầu trung tính.

**B.** bạch cầu limphô T.

**C.** bạch cầu limphô **B.**

**D.** bạch cầu ưa kiềm.

**Câu 10.** Trong cơ thể người, loại tế bào nào dưới đây có khả năng tiết kháng thể ?

**A.** Bạch cầu mônô

**B.** Bạch cầu limphô B

**C.** Bạch cầu limphô T

**D.** Bạch cầu ưa axit

**Câu 11.** Khi được tiêm phòng vacxin thuỷ đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào ?

**A.** Miễn dịch tự nhiên

**B.** Miễn dịch nhân tạo

**C.** Miễn dịch tập nhiễm

**D.** Miễn dịch bẩm sinh

**Câu 12.** Tế bào limphô T có khả năng tiết ra chất nào dưới đây ?

**A.** Prôtêin độc

**B.** Kháng thể

**C.** Kháng nguyên

**D.** Kháng sinh

**Câu 13.** Cho các loại bạch cầu sau :

1. Bạch cầu mônô

2. Bạch cầu trung tính

3. Bạch cầu ưa axit

4. Bạch cầu ưa kiềm

5. Bạch cầu limphô

Có bao nhiêu loại bạch cầu không tham gia vào hoạt động thực bào ?

**A.** 4      **B.** 2

**C.** 3      **D.** 1

**Câu 14.** Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, sự kết hợp của cặp nhân tố nào dưới đây diễn ra theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá ?

**A.** Kháng nguyên – kháng thể

**B.** Kháng nguyên – kháng sinh

**C.** Kháng sinh – kháng thể

**D.** Vi khuẩn – prôtêin độc

**Câu 15.** Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

**A.** chất kháng sinh.

**B.** kháng thể.

**C.** kháng nguyên.

**D.** prôtêin độc.

**Câu 16.** Con người không có khả năng mắc phải căn bệnh nào dưới đây ?

**A.** Toi gà

**B.** Cúm gia cầm

**C.** Dịch hạch

**D.** Cúm lợn

**Câu 17.** Khi mạch máu bị nứt vỡ, loại ion khoáng nào dưới đây sẽ tham gia tích cực vào cơ chế hình thành khối máu đông ?

**A.** Cl-      **B.** Ca2+

**C.** Na+      **D.** Ba2

**Câu 18.** Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

**A.** Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại nước mô.

**B.** Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

**C.** Huyết tương khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết thanh.

**D.** Nước mô khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

**Câu 19.** Nhóm máu nào dưới đây không tồn tại cả hai loại kháng nguyên A và B trên hồng cầu ?

**A.** Nhóm máu O

**B.** Nhóm máu A

**C.** Nhóm máu B

**D.** Nhóm máu AB

**Câu 20.** Người mang nhóm máu AB có thể truyền máu cho người mang nhóm máu nào mà không xảy ra sự kết dính hồng cầu ?

**A.** Nhóm máu O

**B.** Nhóm máu AB

**C.** Nhóm máu A

**D.** Nhóm máu B

**Câu 21.** Trong hệ nhóm máu ABO, khi lần lượt để các nhóm máu truyền chéo nhau thì sẽ có tất cả bao nhiêu trường hợp gây kết dính hồng cầu ?

**A.** 7 trường hợp

**B.** 3 trường hợp

**C.** 2 trường hợp

**D.** 6 trường hợp

**Câu 22.** Nhóm máu mang kháng nguyên A có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây ?

**A.** AB

**B.** O

**C.** B

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 23.** Nhóm máu không mang kháng thể anpha và bêta có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây ?

**A.** O      **B.** B

**C.** A      **D.** AB

**Câu 24.** Vì sao máu nhiễm tác nhân gây bệnh (HIV, virut viêm gan B, virut viêm gan C,…) thì dù có tương thích cũng không nên đem truyền cho người khác ?

**A.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị kết dính hồng cầu do các tác nhân gây bệnh kích thích sự ngưng kết trong lòng mạch.

**B.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị nhiễm các tác nhân trên và phát sinh những bệnh tương ứng.

**C.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị sốc phản vệ cho các tác nhân gây bệnh kể trên xâm nhập vào cơ thể.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 25.** Loại tế bào máu nào đóng vai trò chủ chốt trong quá trình đông máu ?

**A.** Hồng cầu

**B.** Bạch cầu

**C.** Tiểu cầu

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 26.** Trong hệ nhóm máu ABO, có bao nhiêu nhóm máu không mang kháng thể anpha ?

**A.** 4      **B.** 1

**C.** 2      **D.** 3

**Câu 27.** Ở người, loại mạch nào dưới đây vận chuyển máu đỏ thẫm ?

**A.** Động mạch cảnh

**B.** Động mạch đùi

**C.** Động mạch cửa gan

**D.** Động mạch phổi

**Câu 28.** Loại mạch nào dưới đây vận chuyển máu giàu ôxi ?

**A.** Động mạch chủ

**B.** Động mạch vành tim

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Tĩnh mạch phổi

**Câu 29.** Tâm thất trái nối liền trực tiếp với loại mạch nào dưới đây ?

**A.** Tĩnh mạch phổi

**B.** Động mạch phổi

**C.** Động mạch chủ

**D.** Tĩnh mạch chủ

**Câu 30.** Tĩnh mạch phổi đổ máu trực tiếp vào ngăn tim nào ?

**A.** Tâm thất phải

**B.** Tâm nhĩ trái

**C.** Tâm nhĩ phải

**D.** Tâm thất trái

**Câu 31.** Vòng tuần hoàn lớn không đi qua cơ quan nào dưới đây ?

**A.** Dạ dày      **B.** Gan

**C.** Phổi      **D.** Não

**Câu 32.**Trong hệ bạch huyết của người, phân hệ nhỏ thu bạch huyết ở

**A.** nửa trên bên phải cơ thể.

**B.** nửa dưới bên phải cơ thể.

**C.** nửa trên bên trái và phần dưới cơ thể.

**D.** nửa dưới bên phải và phần trên cơ thể.

**Câu 33.** Thành phần nào dưới đây có ở cả máu và dịch bạch huyết ?

**A.** Huyết tương

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Tiểu cầu

**D.** Bạch cầu

**Câu 34.** Sau khi luân chuyển trong hệ bạch huyết, dịch bạch huyết sẽ được đổ trực tiếp vào bộ phận nào của hệ tuần hoàn ?

**A.** Tĩnh mạch dưới đòn

**B.** Tĩnh mạch cảnh trong

**C.** Tĩnh mạch thận

**D.** Tĩnh mạch đùi

**Câu 35.** Sự luân chuyển bạch huyết trong hệ bạch huyết (BH) diễn ra theo trình tự như thế nào ?

**A.** Mao mạch BH – ống BH – mạch BH – hạch BH – mạch BH – tĩnh mạch

**B.** Mao mạch BH – mạch BH – ống BH – mạch BH – hạch BH – tĩnh mạch

**C.** Mao mạch BH – mạch BH – hạch BH – ống BH – mạch BH – tĩnh mạch

**D.** Mao mạch BH – mạch BH – hạch BH – mạch BH - ống BH – tĩnh mạch

**Câu 36.** Bệnh xơ vữa động mạch có mối liên hệ mật thiết với loại lipit nào dưới đây ?

**A.** Phôtpholipit

**B.** Ơstrôgen

**C.** Côlesterôn

**D.** Testosterôn

**Câu 37.** Khi tâm thất phải co, máu được bơm đến bộ phận nào ?

**A.** Tĩnh mạch phổi

**B.** Tĩnh mạch chủ

**C.** Động mạch chủ

**D.** Động mạch phổi

**Câu 38.** Ở người, loại mạch nào là nơi xảy ra sự trao đổi chất với tế bào ?

**A.** Mao mạch

**B.** Tĩnh mạch

**C.** Động mạch

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 39.** Mao mạch có điểm gì đặc biệt để tăng hiệu quả trao đổi chất với tế bào ?

**A.** Vận tốc dòng máu chảy rất chậm

**B.** Thành mạch chỉ được cấu tạo bởi một lớp biểu bì

**C.** Phân nhánh dày đặc đến từng tế bào

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 40.** Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu ?

**A.** 0,3 giây      **B.** 0,4 giây

**C.** 0,5 giây      **D.** 0,1 giây

**Câu 41.** Ở người bình thường, thời gian tâm thất nghỉ trong mỗi chu kì tim là bao lâu ?

**A.** 0,6 giây      **B.** 0,4 giây

**C.** 0,5 giây      **D.** 0,3 giây

**Câu 42.** Ở người bình thường, trung bình mỗi phút tim đập bao nhiêu lần ?

**A.** 85 lần      **B.** 75 lần

**C.** 60 lần      **D.** 90 lần

**Câu 43.** Loại mạch máu nào dưới đây có chức năng nuôi dưỡng tim ?

**A.** Động mạch dưới đòn

**B.** Động mạch dưới cằm

**C.** Động mạch vành

**D.** Động mạch cảnh trong

**Câu 44.** Các pha trong mỗi chu kì tim diễn ra theo trình tự trước sau như thế nào ?

**A.** Pha thất co – pha dãn chung – pha nhĩ co

**B.** Pha dãn chung – pha thất co – pha nhĩ co

**C.** Pha thất co – pha nhĩ co – pha dãn chung

**D.** Pha nhĩ co – pha thất co – pha dãn chung

**Câu 45.** Ở tim người, tại vị trí nào dưới đây không xuất hiện van ?

**A.** Giữa tĩnh mạch chủ và tâm nhĩ phải

**B.** Giữa tâm nhĩ trái và tâm thất trái

**C.** Giữa tâm nhĩ phải và tâm thất phải

**D.** Giữa tâm thất trái và động mạch chủ

**Câu 46.**Khi nói về hoạt động tim mạch, phát biểu nào dưới đây là đúng ?

**A.** Van 3 lá luôn đóng, chỉ mở khi tâm thất trái co.

**B.** Van động mạch luôn mở, chỉ đóng khi tâm thất co.

**C.** Khi tâm thất trái co, van hai lá sẽ đóng lại.

**D.** Khi tâm thất phải co, van 3 lá sẽ mở ra.

**Câu 47.** Loại mạch nào dưới đây không có van ?

**A.** Tĩnh mạch chậu

**B.** Tĩnh mạch mác

**C.** Tĩnh mạch hiển lớn

**D.** Tĩnh mạch chủ dưới

**Câu 48.** Máu lưu thông trong động mạch là nhờ vào yếu tố nào dưới đây ?

**A.** Sự co dãn của thành mạch

**B.** Sức đẩy của tim

**C.** Sự liên kết của dịch tuần hoàn

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 49.** Huyết áp tối đa đo được khi

**A.** tâm nhĩ dãn.

**B.** tâm thất co.

**C.** tâm thất dãn.

**D.** tâm nhĩ co.

**Câu 50.** Trong hệ mạch máu của con người, tại vị trí nào người ta đo được huyết áp lớn nhất ?

**A.** Động mạch cảnh ngoài

**B.** Động mạch chủ

**C.** Động mạch phổi

**D.** Động mạch thận.

**Câu 51.** Một người được xem là mắc bệnh cao huyết áp khi

**A.** huyết áp tối thiểu 90 mmHg, huyết áp tối đa > 140 mmHg.

**B.** huyết áp tối thiểu 120 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

**C.** huyết áp tối thiểu 100 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

**D.** huyết áp tối thiểu 90 mmHg, huyết áp tối đa > 120 mmHg.

**Câu 52.** Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch ?

**A.** Bệnh nước ăn chân

**B.** Bệnh tay chân miệng

**C.** Bệnh thấp khớp

**D.** Bệnh á sừng

**Câu 53.** Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch ?

**A.** Kem

**B.** Sữa tươi

**C.** Cá hồi

**D.** Lòng đỏ trứng gà

**Câu 54.** Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng

**B.** Nói không với rượu, bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn

**C.** Ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega – 3

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 55.** Nhịp tim sẽ tăng lên trong trường hợp nào sau đây ?

**A.** Khi bị khuyết tật tim (hẹp hoặc hở van tim, xơ phổi, mạch máu xơ cứng…)

**B.** Khi sử dụng các chất kích thích như thuốc lá, rượu, hêrôin,…

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Khi cơ thể trải qua cú sốc nào đó: sốt cao, mất máu, mất nước hoặc lo lắng, sợ hãi kéo dài

**Câu 56.** Ở trạng thái nghỉ ngơi thì so với người bình thường, vận động viên có

**A.** nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

**B.** nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

**C.** nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

**D.** nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

**Chương 4: HỆ HÔ HẤP**

**Câu 1.** Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp ?

**A.** Thanh quản      **B.** Thực quản

**C.** Khí q      **D.** Phế quản

**Câu 2.** Loại sụn nào dưới đây có vai trò đậy kín đường hô hấp khi chúng ta nuốt thức ăn ?

**A.** Sụn thanh nhiệt

**B.** Sụn nhẫn

**C.** Sụn giáp

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 3.** Khí quản người được tạo thành bởi bao nhiêu vòng sụn khuyết hình chữ C ?

**A.** 20 – 25 vòng sụn

**B.** 15 – 20 vòng sụn

**C.** 10 – 15 vòng sụn

**D.** 25 – 30 vòng sụn

**Câu 4.** Bộ phận nào dưới đây ngoài chức năng hô hấp còn kiêm thêm vai trò khác ?

**A.** Khí quản      **B.** Thanh quản

**C.** Phổi      **D.** Phế quản

**Câu 5.** Phổi người trưởng thành có khoảng

**A.** 200 – 300 triệu phế nang.

**B.** 800 – 900 triệu phế nang.

**C.** 700 – 800 triệu phế nang.

**D.** 500 – 600 triệu phế nang.

**Câu 6.** Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

**A.** họng và phế quản.

**B.** phế quản và mũi.

**C.** họng và thanh quản

**D.** thanh quản và phế quản.

**Câu 7.** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?

**A.** Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbônic

**B.** Sử dụng khí cacbônic và loại thải khí ôxi

**C.** Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbônic

**D.** Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

**Câu 8.** Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại ?

**A.** Phế quản      **B.** Khí quản

**C.** Thanh quản      **D.** Họng

**Câu 9.** Mỗi lá phổi được bao bọc bên ngoài bởi mấy lớp màng ?

**A.** 4 lớp      **B.** 3 lớp

**C.** 2 lớp      **D.** 1 lớp

**Câu 10.** Lớp màng ngoài của phổi còn có tên gọi khác là

**A.** lá thành.<      **B.** lá tạng.

**C.** phế nang.      **D.** phế quản.

**Câu 11.** Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

**A.** hai lần hít vào và một lần thở ra.

**B.** một lần hít vào và một lần thở ra.

**C.** một lần hít vào hoặc một lần thở ra.

**D.** một lần hít vào và hai lần thở ra.

**Câu 12.** Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào ?

**A.** Cơ lưng xô và cơ liên sườn

**B.** Cơ ức đòn chũm và cơ hoành

**C.** Cơ liên sườn và cơ nhị đầu

**D.** Cơ liên sườn và cơ hoành

**Câu 13.** Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

**A.** Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

**B.** Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

**C.** Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

**D.** Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn

**Câu 14.** Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu ?

**A.** Khí nitơ

**B.** Khí cacbônic

**C.** Khí ôxi

**D.** Khí hiđrô

**Câu 15.** Trong 500 ml khí lưu thông trong hệ hô hấp của người trưởng thành thì có khoảng bao nhiêu ml khí nằm trong “khoảng chết” (không tham gia trao đổi khí) ?

**A.** 150 ml      **B.** 200 ml

**C.** 100 ml      **D.** 50 ml

**Câu 16.** Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế

**A.** bổ sung.

**B.** chủ động.

**C.** thẩm thấu.

**D.** khuếch tán.

**Câu 17.** Dung tích sống trung bình của nam giới người Việt nằm trong khoảng

**A.** 2500 – 3000 ml.

**B.** 3000 – 3500 ml.

**C.** 1000 – 2000 ml.

**D.** 800 – 1500 ml.

**Câu 18.**Lượng khí cặn nằm trong phổi người bình thường có thể tích khoảng bao nhiêu ?

**A.** 500 – 700 ml.

**B.** 1200 – 1500 ml.

**C.** 800 – 1000 ml.

**D.** 1000 – 1200 ml.

**Câu 19.** Khi chúng ta thở ra thì

**A.** cơ liên sườn ngoài co.

**B.** cơ hoành co.

**C.** thể tích lồng ngực giảm.

**D.** thể tích lồng ngực tăng.

**Câu 20.** Khi luyện thở thường xuyên và vừa sức, chúng ta sẽ làm tăng

**A.** dung tích sống của phổi.

**B.** lượng khí cặn của phổi.

**C.** khoảng chết trong đường dẫn khí.

**D.** lượng khí lưu thông trong hệ hô hấp.

**Câu 21.** Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá ?

**A.** Hêrôin      **B.** Côcain

**C.** Moocphin      **D.** Nicôtin

**Câu 22.** Loại khí nào dưới đây thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây chết người khi dùng với liều cao ?

**A.** N2      **B.** O2

**C.** H2      **D.** NO2

**Câu 23.** Loại khí nào dưới đây có ái lực với hồng cầu rất cao và thường chiếm chỗ ôxi để liên kết với hồng cầu, khiến cơ thể nhanh chóng rơi vào trạng thái ngạt, thậm chí tử vong ?

**A.** N2      **B.** CO

**C.** CO2      **D.** NO2

**Câu 24.** Để bảo vệ phổi và tăng hiệu quả hô hấp, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

**A.** Đeo khẩu trang khi tiếp xúc với khói bụi hay môi trường có nhiều hoá chất độc hại

**B.** Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, bao gồm cả luyện thở

**C.** Nói không với thuốc lá

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 25.** Hoạt động nào dưới đây góp phần bảo vệ đường hô hấp của bạn ?

**A.** Tất cả các phương án đưa ra

**B.** Trồng nhiều cây xanh

**C.** Xả rác đúng nơi quy định

**D.** Đeo khẩu trang trong môi trường có nhiều khói bụi

**Câu 26.** Bệnh nào dưới đây được xem là một trong Tứ chứng nan y của nền Y học cổ ?

**A.** Tiểu đường      **B.** Ung thư

**C.** Lao phổi      **D.** Thống phong

**Câu 27.** Loại khí nào dưới đây không độc hại đối với con người ?

**A.** N2      **B.** NO2

**C.** CO      **D.** NO

**Câu 28.** Hiệu quả trao đổi khí có mối liên hệ mật thiết với trạng thái và khả năng hoạt động của hệ cơ quan nào ?

**A.** Hệ tiêu hoá

**B.** Hệ sinh dục

**C.** Hệ bài tiết

**D.** Hệ tuần hoàn

**Câu 29.** Vì sao khi chúng ta hít thở sâu thì sẽ làm tăng hiệu quả hô hấp ?

**A.** Vì hít thở sâu giúp loại thải hoàn toàn lượng khí cặn và khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi, tạo ra khoảng trống để lượng khí hữu ích dung nạp vào vị trí này.

**B.** Vì khi hít thở sâu thì ôxi sẽ tiếp cận được với từng tế bào trong cơ thể, do đó, hiệu quả trao đổi khí ở tế bào sẽ cao hơn.

**C.** Vì khi hít vào gắng sức sẽ làm tăng lượng khí bổ sung cho hoạt động trao đổi khí ở phế nang và khi thở ra gắng sức sẽ giúp loại thải khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 10.** Thông thường, tỉ lệ khí cacbônic trong không khí hít vào là bao nhiêu ?

**A.** 0,03%      **B.** 0,5%

**C.** 0,46%      **D.** 0,01%

**Chương 5: TIÊU HÓA**

**Câu 1.** Chất nào dưới đây hầu như không bị biến đổi trong quá trình tiêu hoá thức ăn ?

**A.** Axit nuclêic

**B.** Lipit

**C.** Vitamin

**D.** Prôtêin

**Câu 2.** Ở người, dịch tiêu hoá từ tuyến tuỵ sẽ đổ vào bộ phận nào ?

**A.** Thực quản      **B.** Ruột già

**C.** Dạ dày      **D.** Ruột non

**Câu 3.** Cơ quan nào dưới đây không phải là một bộ phận của hệ tiêu hoá ?

**A.** Dạ dày      **B.** Thực quản

**C.** Thanh quản      **D.** Gan

**Câu 4.** Tuyến vị nằm ở bộ phận nào trong ống tiêu hoá ?

**A.** Dạ dày      **B.** Ruột non

**C.** Ruột già      **D.** Thực quản

**Câu 5.** Trong hệ tiêu hoá ở người, bộ phận nào nằm liền dưới dạ dày ?

**A.** Tá tràng      **B.** Thực quản

**C.** Hậu môn      **D.** Kết tràng

**Câu 6.** Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào ?

**A.** Ruột thừ      **B.** Ruột già

**C.** Ruột non      **D.** Dạ dày

**Câu 7.** Quá trình biến đổi lí học và hoá học của thức ăn diễn ra đồng thời ở bộ phận nào dưới đây ?

**A.** Khoang miệng

**B.** Dạ dày

**C.** Ruột non

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 8.** Qua tiêu hoá, lipit sẽ được biến đổi thành

**A.** glixêrol và vitamin.

**B.** glixêrol và axit amin.

**C.** nuclêôtit và axit amin.

**D.** glixêrol và axit béo.

**Câu 9.** Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá ?

**A.** Vitamin      **B.** Ion khoáng

**C.** Gluxit      **D.** Nước

**Câu 10.** Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá ?

**A.** Tuyến tuỵ

**B.** Tuyến vị

**C.** Tuyến ruột

**D.** Tuyến nước bọt

**Câu 11.** Trong nước bọt có chứa loại enzim nào ?

**A.** Lipaza      **B.** Mantaza

**C.** Amilaza      **D.** Prôtêaza

**Câu 12.** Loại răng nào có vai trò chính là nghiền nát thức ăn ?

**A.** Răng cửa

**B.** Răng hàm

**C.** Răng nanh

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 13.** Loại đường nào dưới đây được hình thành trong khoang miệng khi chúng ta nhai kĩ cơm ?

**A.** Lactôzơ      **B.** Glucôzơ

**C.** Mantôzơ       **D.** Saccarôzơ

**Câu 14.** Sự kiện nào dưới đây xảy ra khi chúng ta nuốt thức ăn ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Khẩu cái mềm hạ xuống

**C.** Nắp thanh quản đóng kín đường tiêu hoá

**D.** Lưỡi nâng lên

**Câu 15.** Loại cơ nào dưới đây không có trong cấu tạo của thực quản ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Cơ dọc

**C.** Cơ vòng

**D.** Cơ chéo

**Câu 16.** Mỗi ngày, một người bình thường tiết khoảng bao nhiêu ml nước bọt ?

**A.** 1000 – 1500 ml

**B.** 800 – 1200 ml

**C.** 400 – 600 ml

**D.** 500 – 800 ml

**Câu 17.** Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt ?

**A.** Họng      **B.** Thực quản

**C.** Lưỡi      **D.** Khí quản

**Câu 18.** Tuyến nước bọt lớn nhất của con người nằm ở đâu ?

**A.** Hai bên mang tai

**B.** Dưới lưỡi

**C.** Dưới hàm

**D.** Vòm họng

**Câu 19.** Thành phần nào dưới đây của thức ăn hầu như không bị tiêu hoá trong khoang miệng ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Lipit

**C.** Vitamin

**D.** Nước

**Câu 20.** Nước bọt có pH khoảng

**A.** 6,5.      **B.** 8,1.

**C.** 7,2.      **D.** 6,8.

**Câu 21.** Dạ dày được cấu tạo bởi mấy lớp cơ bản ?

**A.** 3 lớp      **B.** 4 lớp

**C.** 2 lớp      **D.** 5 lớp

**Câu 22.** Từ ngoài vào trong, các cơ của dạ dày sắp xếp theo trật tự như thế nào ?

**A.** Cơ dọc – cơ chéo – cơ vòng

**B.** Cơ chéo – cơ vòng – cơ dọc

**C.** Cơ dọc – cơ vòng – cơ chéo

**D.** Cơ vòng – cơ dọc – cơ chéo

**Câu 23.** Tuyến vị nằm ở lớp nào của dạ dày ?

**A.** Lớp niêm mạc

**B.** Lớp dưới niêm mạc

**C.** Lớp màng bọc

**D.** Lớp cơ

**Câu 24.** Trong dạ dày, nờ sự có mặt của loại axit hữu cơ nào mà pepsinôgen được biến đổi thành pepsin – enzim chuyên hoá với vai trò phân giải prôtêin ?

**A.** HNO3

**B.** HCl

**C.** H2SO4

**D.** HBr

**Câu 25.** Trong dịch vị của người, nước chiếm bao nhiêu phần trăm về thể tích ?

**A.** 95%

**B.** 80%

**C.** 98%

**D.** 70%

**Câu 26.** Trong dạ dày hầu như chỉ xảy ra quá trình tiêu hoá

**A.** prôtêin.

**B.** gluxit.

**C.** lipit.

**D.** axit nuclêic.

**Câu 27.** Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì ?

**A.** Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virut gây hại.

**B.** Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày

**C.** Chứa một số enzim giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

**D.** Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.

**Câu 28.** Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu ?

**A.** 1 – 2 giờ

**B.** 3 – 6 giờ

**C.** 6 – 8 giờ

**D.** 10 – 12 giờ

**Câu 29.** Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động nào sau đây ?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị

2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị

3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

**A.** 1, 2, 3

**B.** 1, 3

**C.** 2, 3

**D.** 1, 2

**Câu 30.** Với khẩu phần đầy đủ chất dinh dưỡng thì sau khi tiêu hoá ở dạ dày, thành phần nào dưới đây vẫn cần được tiêu hoá tiếp tại ruột non ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Lipit

**C.** Gluxit

**D.** Prôtêinv

**Câu 31.** Lớp cơ của thành ruột non được cấu tạo từ mấy loại cơ ?

**A.** 1 loại      **B.** 4 loại

**C.** 3 loại      **D.** 2 loại

**Câu3 2.** Dịch ruột và dịch mật đổ vào bộ phận nào của ống tiêu hoá ?

**A.** Tá tràng

**B.** Manh tràng

**C.** Hỗng tràng

**D.** Hồi tràng

**Câu 33.** Trong các bộ phận dưới đây, quá trình tiêu hoá thức ăn về mặt hoá học diễn ra mạnh mẽ nhất ở bộ phận nào ?

**A.** Hồi tràng

**B.** Hỗng tràng

**C.** Dạ dày

**D.** Tá tràng

**Câu 34.** Trong ống tiêu hoá ở người, dịch ruột được tiết ra khi nào?

**A.** Khi thức ăn chạm lên niêm mạc dạ dày

**B.** Khi thức ăn chạm lên niêm mạc ruột

**C.** Khi thức ăn chạm vào lưỡi

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 35.** Độ axit cao của thức ăn khi xuống tá tràng chính là tín hiệu

**A.** đóng tâm vị.

**B.** mở môn vị.

**C.** đóng môn vị.

**D.** mở tâm vị.

**Câu 36.** Loại dịch tiêu hoá nào dưới đây có vai trò nhũ tương hoá lipit ?

**A.** Dịch tuỵ

**B.** Dịch mật

**C.** Dịch vị

**D.** Dịch ruột

**Câu 37.** Sau khi trải qua quá trình tiêu hoá ở ruột non, prôtêin sẽ được biến đổi thành

**A.** glucôzơ.      **B.** axit béo.

**C.** axit amin.      **D.** glixêrol.

**Câu 38.** Lớp cơ của thành ruột non có vai trò nào sau đây ?

1. Dự trữ chất dinh dưỡng, phòng khi cơ thể thiếu hụt dinh dưỡng vì nguyên nhân nào đó

2. Co bóp tạo lực đẩy thức ăn dần xuống các phần tiếp theo của ống tiêu hoá

3. Co bóp giúp thức ăn thấm đều dịch tuỵ, dịch mật và dịch ruột, tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

**A.** 1, 2, 3

**B.** 1, 3

**C.** 1, 2

**D.** 2, 3

**Câu 39.** Loại dịch nào đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình tiêu hoá thức ăn ở ruột non ?

**A.** Dịch tuỵ      **B.** Dịch ruột

**C.** Dịch mật      **D.** Dịch vị

**Câu 40.** Khi không có kích thích của thức ăn, cơ quan nào dưới đây không tiết ra dịch tiêu hoá ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Gan

**C.** Ruột non

**D.** Tuỵ

**Câu 41.** Trong ống tiêu hoá của người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào ?

**A.** Dạ dày      **B.** Ruột non

**C.** Ruột già      **D.** Thực quản

**Câu 42.** Đặc điểm nào của ruột non giúp chúng tăng hiệu quả hấp thụ chất dinh dưỡng ?

**A.** Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột

**B.** Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên

**C.** Kích thước rất dài (2,8 – 3 mét)

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 43.** Có khoảng bao nhiêu phần trăm lipit được vận chuyển theo con đường máu ?

**A.** 70%      **B.** 40%

**C.** 30%      **D.** 50%

**Câu 44.** Loại vitamin nào dưới đây được vận chuyển theo con đường bạch huyết về tim ?

**A.** Vitamin B1

**B.** Vitamin E

**C.** Vitamin C

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 45.** Tại ruột già xảy ra hoạt động nào dưới đây ?

**A.** Hấp thụ lại nước

**B.** Tiêu hoá thức ăn

**C.** Hấp thụ chất dinh dưỡng

**D.** Nghiền nát thức ăn

**Câu 46.** Nếu qua hệ tiêu hoá, chất độc bị hấp thụ vào con đường máu thì chúng sẽ bị khử tại đâu ?

**A.** Tim      **B.** Dạ dày

**C.** Thận      **D.** Gan

**Câu 47.** Chất nào dưới đây được hấp thụ từ ruột non và vận chuyển theo đường máu về tim ?

**A.** Axit béo

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Glucôzơ

**D.** Vitamin C

**Câu 48.** Loại cơ nào dưới đây không tham gia vào quá trình thải phân khi đại tiện ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Cơ chéo bụng ngoài

**C.** Cơ vòng hậu môn

**D.** Cơ nhị đầu

**Câu 49.** Vai trò chủ yếu của ruột già là gì ?

**A.** Thải phân và hấp thụ đường

**B.** Tiêu hoá thức ăn và thải phân

**C.** Hấp thụ nước và thải phân

**D.** Tiêu hoá thức ăn và hấp thụ chất dinh dưỡng

**Câu 50.** Các chất dinh dưỡng được hấp thụ qua đường máu sẽ đổ về đâu trước khi về tim ?

**A.** Tĩnh mạch chủ dưới

**B.** Tĩnh mạch cảnh trong

**C.** Tĩnh mạch chủ trên

**D.** Tĩnh mạch cảnh ngoài

**Câu 51.** Việc làm nào dưới đây có thể gây hại cho men răng của bạn ?

**A.** Uống nước lọc

**B.** Ăn kem

**C.** Uống sinh tố bằng ống hút

**D.** Ăn rau xanh

**Câu 52.** Vi khuẩn Helicobacter pylori – thủ phạm gây viêm loét dạ dày – kí sinh ở đâu trên thành cơ quan này ?

**A.** Lớp dưới niêm mạc

**B.** Lớp niêm mạc

**C.** Lớp cơ

**D.** Lớp màng bọc

**Câu 53.** Biện pháp nào dưới đây giúp làm tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thụ thức ăn ?

**A.** Tạo bầu không khí thoải mái, vui vẻ khi ăn

**B.** Ăn đúng giờ, đúng bữa và hợp khẩu vị

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Ăn chậm, nhai kĩ

**Câu 54.** Loại vi khuẩn nào dưới đây kí sinh trên ống tiêu hoá của người ?

**A.** Vi khuẩn lao

**B.** Vi khuẩn thương hàn

**C.** Vi khuẩn giang mai

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 55.** Loại thức uống nào dưới đây gây hại cho gan của bạn ?

**A.** Rượu trắng

**B.** Nước lọc

**C.** Nước khoáng

**D.** Nước ép trái cây

**Câu 56.** Biện pháp nào dưới đây giúp cải thiện tình trạng táo bón ?

1. Ăn nhiều rau xanh

2. Hạn chế thức ăn chứa nhiều tinh bột và prôtêin

3. Uống nhiều nước

4. Uống chè đặc

**A.** 2, 3

**B.** 1, 3

**C.** 1, 2

**D.**1, 2, 3

**Câu 57.** Khi ăn rau sống không được rửa sạch, ta có nguy cơ

**A.** mắc bệnh sởi.

**B.** nhiễm giun sán.

**C.** mắc bệnh lậu.

**D.** nổi mề đay.

**Câu 58.** Loại đồ ăn/thức uống nào dưới đây tốt cho hệ tiêu hoá ?

**A.** Nước giải khát có ga

**B.** Xúc xích

**C.** Lạp xưởng

**D.** Khoai lang

**CHƯƠNG 6: TRAO ĐỔI CHẤT**

**Câu 1.** Hệ bài tiết không thải ra ngoài môi trường thành phần nào dưới đây ?

**A.** Mồ hôi

**B.** Nước tiểu

**C.** Phân

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 2.** Thành phần nào dưới đây là chất thải của hệ hô hấp ?

**A.** Nước tiểu

**B.** Mồ hôi

**C.** Khí ôxi

**D.** Khí cacbônic

**Câu 3.** Sự trao đổi chất ở người diễn ra ở mấy cấp độ ?

**A.** 4 cấp độ

**B.** 3 cấp độ

**C.** 2 cấp độ

**D.** 5 cấp độ

**Câu 4.** Nguyên liệu đầu vào của hệ tiêu hoá bao gồm những gì ?

**A.** Thức ăn, nước, muối khoáng, VTM

**B.** Ôxi, thức ăn, muối khoáng

**C.** Vitamin, muối khoáng, nước

**D.** Nước, thức ăn, ôxi, muối khoáng

**Câu 5.** Trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí cacbônic sẽ theo mạch máu tới bộ phận nào để thải ra ngoài ?

**A.** Phổi      **B.** Dạ dày

**C.** Thận      **D.** Gan

**Câu 6.** Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì ?

**A.** Khí ôxi và chất thải

**B.** Khí cacbônic và chất thải

**C.** Khí ôxi và chất dinh dưỡng

**D.** Khí cacbônic và chất dinh dưỡng

**Câu 7.** Trong quá trình trao đổi chất ở cấp độ tế bào, trừ khí cacbônic, các sản phẩm phân huỷ sẽ được thải vào môi trường trong và đưa đến

**A.** cơ quan sinh dục.

**B.** cơ quan hô hấp

**C.** cơ quan tiêu hoá.

**D.** cơ quan bài tiết.

**Câu 8.** Hệ cơ quan nào là cầu nối trung gian giữa trao đổi chất ở cấp độ tế bào và trao đổi chất ở cấp độ cơ thể ?

**A.** Hệ tiêu hoá

**B.** Hệ hô hấp

**C.** Hệ bài tiết

**D.** Hệ tuần hoàn

**Câu 9.** Quá trình trao đổi chất theo 2 cấp độ không thể hiện rõ ở hệ cơ quan nào dưới đây ?

**A.** Hệ hô hấp

**B.** Hệ tiêu hoá

**C.** Hệ bài tiết

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 10.** Loại dịch cơ thể mà tại đó diễn ra sự trao đổi chất trực tiếp với tế bào là

**A.** nước mô.

**B.** dịch bạch huyết.

**C.** máu.

**D.** nước bọt.

**Câu 11.** Đồng hoá xảy ra quá trình nào dưới đây ?

**A.** Giải phóng năng lượng

**B.** Tổng hợp chất hữu cơ đơn giản từ những chất hữu cơ phức tạp

**C.** Tích luỹ năng lượng

**D.** Phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản

**Câu 12.** Chuyển hoá cơ bản là

**A.** năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

**B.** năng lượng tích luỹ khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

**C.** năng lượng tích luỹ khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

**D.** năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

**Câu 13.** Đồng hoá và dị hoá là hai quá trình

**A.** đều xảy ra sự tổng hợp các chất.

**B.** đều xảy ra sự tích luỹ năng lượng.

**C.** đối lập nhau.

**D.** mâu thuẫn nhau.

**Câu 14.** Năng lượng giải phóng trong quá trình dị hoá được sử dụng để làm gì ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Sinh công

**C.** Sinh nhiệt

**D.** Tổng hợp chất mới

**Câu 15.**Đối tượng nào dưới đây có quá trình dị hoá diễn ra mạnh mẽ hơn quá trình đồng hoá ?

**A.** Người cao tuổi

**B.** Thanh niên

**C.** Trẻ sơ sinh

**D.** Thiếu niên

**Câu 16.** Chất nào dưới đây có thể là sản phẩm của quá trình dị hoá ?

**A.** Nước      **B.** Prôtêin

**C.** Xenlulôzơ      **D.** Tinh bột

**Câu 17.** Sự chuyển hoá vật chất và năng lượng của cơ thể phụ thuộc vào sự điều khiển của mấy hệ cơ quan ?

**A.** 3      **B.** 1

**C.** 2       **D.** 4

**Câu 18.**Trung khu điều hoà sự tăng giảm của nhiệt độ cơ thể nằm ở đâu ?

**A.** Hạch thần kinh

**B.** Dây thần kinh

**C.** Tuỷ sống

**D.** Não bộ

**Câu 19.** Loại hoocmôn nào dưới đây tham gia vào quá trình chuyển hoá đường trong cơ thể ?

**A.** Glucagôn

**B.** Insulin

**C.** Ađrênalin

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 20.** Năng lượng được giải phóng trong dị hoá cuối cùng cũng đều biến thành

**A.** quang năng.      **B.** cơ năng.

**C.** nhiệt năng.      **D.** hoá năng.

**Câu 21.** Ở người bình thường, nhiệt độ đo được ở miệng là

**A.** 38oC      **B.** 37,5oC

**C.** 37oC      **D.** 36,5oC

**Câu 22.** Vì sao vào mùa đông, da chúng ta thường bị tím tái ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại.

**B.** Vì cơ thể bị mất máu do bị sốc nhiệt nên da mất đi vẻ hồng hào.

**C.** Vì nhiệt độ thấp khiến cho mạch máu dưới da bị vỡ và tạo nên các vết bầm tím.

**D.** Vì các mạch máu dưới da co lại để hạn chế sự toả nhiệt nên sắc da trở nên nhợt nhạt.

**Câu 23.** Khi lao động nặng, cơ thể sẽ toả nhiệt bằng cách nào ?

1. Dãn mạch máu dưới da

2. Run

3. Vã mồ hôi

4. Sởn gai ốc

**A.** 1, 3

**B.** 1, 2, 3

**C.** 3, 4

**D.** 1, 2, 4

**Câu 24.** Hệ cơ quan nào đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động điều hoà thân nhiệt ?

**A.** Hệ tuần hoàn

**B.** Hệ nội tiết

**C.** Hệ bài tiết

**D.** Hệ thần kinh

**Câu 25.** Vào mùa hè, để chống nóng thì chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Sử dụng áo chống nắng, đội mũ và đeo khẩu trang khi ra đường

**C.** Mặc quần áo thoáng mát, tạo điều kiện cho da toả nhiệt

**D.** Bôi kem chống nắng khi đi bơi, tắm biển

**Câu 26.** Để chống rét, chúng ta phải làm gì ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Giữ ấm vào mùa đông, đặc biệt là vùng cổ, ngực, mũi và bàn chân

**C.** Làm nóng cơ thể trước khi đi ngủ hoặc sau khi thức dậy bằng cách mát xa lòng bàn tay, gan bàn chân

**D.** Bổ sung các thảo dược giúp làm ấm phủ tạng như trà gừng, trà sâm…

**Câu 27.** Biện pháp nào dưới đây vừa giúp chúng ta chống nóng, lại vừa giúp chúng ta chống lạnh ?

**A.** Ăn nhiều tinh bột

**B.** Uống nhiều nước

**C.** Rèn luyện thân thể

**D.** Giữ ấm vùng cổ

**Câu 28.** Việc làm nào dưới đây có thể giúp chúng ta chống nóng hiệu quả ?

**A.** Uống nước giải khát có ga

**B.** Tắm nắng

**C.** Mặc quần áo dày dặn bằng vải nilon

**D.** Trồng nhiều cây xanh

**Câu 29.** Khi bị sốt cao, chúng ta cần phải làm điều gì sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Lau cơ thể bằng khăn ướp lạnh

**C.** Mặc ấm để che chắn gió

**D.** Bổ sung nước điện giải

**Câu 30.** Khi đo thân nhiệt, ta nên đo ở đâu để có kết quả chính xác nhất ?

**A.** Tai      **B.** Miệng

**C.** Hậu môn      **D.** Nách

**Câu 31.** Loại vitamin nào dưới đây không tan trong dầu, mỡ ?

**A.** Vitamin A

**B.** Vitamin C

**C.** Vitamin K

**D.** Vitamin D

**Câu 32.** Thiếu vitamin nào dưới đây sẽ dẫn đến tình trạng viêm loét niêm mạc ?

**A.** Vitamin B2

**B.** Vitamin B1

**C.** Vitamin B6

**D.** Vitamin B12

**Câu 33.** Loại quả nào dưới đây có chứa nhiều tiền chất của vitamin A ?

**A.** Mướp đắng      **B.** Gấc

**C.** Chanh       **D.** Táo ta

**Câu 34.** Cặp vitamin nào dưới đây đóng vai trò tích cực trong việc chống lão hoá ?

**A.** Vitamin K và vitamin A

**B.** Vitamin C và vitamin E

**C.** Vitamin A và vitamin D

**D.** Vitamin B1 và vitamin D

**Câu 35.** Loại vitamin nào dưới đây thường có nguồn gốc động vật ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Vitamin C

**C.** Vitamin B1

**D.** Vitamin A

**Câu 36.** Chất khoáng nào là thành phần cấu tạo nên hêmôglôbin trong hồng cầu người ?

**A.** Asen      **B.** Kẽm

**C.** Đồng      **D.** Sắt

**Câu 37.** Loại muối khoáng nào dưới đây có vai trò quan trọng trong việc hàn gắn vết thương ?

**A.** Iốt      **B.** Canxi

**C.** K      **D.** Sắt

**Câu 38.** Thực phẩm nào dưới đây có chứa nhiều vitamin ?

**A.** Cá biển      **B.** Giá đỗ

**C.** Thịt bò      **D.** Thịt lợn

**Câu 39.** Loại muối khoáng nào là thành phần không thể thiếu của hoocmôn tuyến giáp ?

**A.** Kẽm      **B.** Sắt

**C.** Iốt      **D.** Đồng

**Câu 40.** Loại vitamin duy nhất được tổng hợp ở da dưới ánh nắng mặt trời là

**A.** vitamin **D.**

**B.** vitamin **A.**

**C.** vitamin **C.**

**D.** vitamin E.

**Câu 41.** Nhu cầu về loại thức ăn nào dưới đây ở trẻ em thường cao hơn người lớn ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Gluxit

**C.** Prôtêin

**D.** Lipit

**Câu 42.** Trẻ em có thể bị béo phì vì nguyên nhân nào sau đây ?

**A.** Mắc phải một bệnh lý nào đó

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Lười vận động

**D.** Ăn quá nhiều thực phẩm giàu năng lượng : sôcôla, mỡ động vật, đồ chiên xào…

**Câu 43.** Một gam lipit khi được ôxi hoá hoàn toàn sẽ giải phóng ra bao nhiêu năng lượng ?

**A.** 4,3 kcal      **B.** 5,1 kcal

**C.** 9,3 kcal       **D.** 4,1 kcal

**Câu 44.**Khi lập khẩu phần ăn, chúng ta cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây ?

**A.** Đảm bảo đủ lượng thức ăn phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng

**B.** Đảm bảo cân đối thành phần các chất hữu cơ, cung cấp đủ muối khoáng và vitamin

**C.** Đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho cơ thể

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 45.** Khẩu phần ăn là lượng thức ăn cung cấp cho cơ thể trong

**A.** một đơn vị thời gian.

**B.** một tuần.

**C.** một bữa.

**D.** một ngày.

**Câu 46.** Loại thực phẩm nào dưới đây giàu chất đạm ?

**A.** Dứa gai      **B.** Trứng gà

**C.** Bánh đa      **D.** Cải ngọt

**Câu 47.** Vì sao trong khẩu phần ăn, chúng ta nên chú trọng đến rau và hoa quả tươi ?

1. Vì những loại thức ăn này chứa nhiều chất xơ, giúp cho hoạt động tiêu hoá và hấp thụ thức ăn được dễ dàng hơn.

2. Vì những loại thực phẩm này cung cấp đầy đủ tất cả các nhu cầu dinh dưỡng cần thiết của con người.

3. Vì những loại thức phẩm này giúp bổ sung vitamin và khoáng chất, tạo điều khiện thuận lợi cho hoạt động chuyển hoá vật chất và năng lượng của cơ thể.

**A.** 1, 2, 3

**B.** 1, 2

**C.** 1, 3

**D.** 2, 3

**Câu 48.** Nhu cầu dinh dưỡng của con người phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây ?

1. Giới tính

2. Độ tuổi

3. Hình thức lao động

4. Trạng thái sinh lí của cơ thể

**A.** 1, 2, 3, 4

**B.** 1, 2, 3

**C.** 1, 2, 4

**D.** 2, 3, 4

**Câu 49.** Vì sao ở các nước đang phát triển, trẻ em bị suy dinh dưỡng thường chiếm tỉ lệ cao ?

**A.** Vì ở những nước này, do đời sống kinh tế còn khó khăn nên khẩu phần ăn của trẻ không chứa đầy đủ các thành phần dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của các em.

**B.** Vì ở những nước này, trẻ em chịu ảnh hưởng của tình trạng ô nhiễm không khí nên khả năng hấp thụ chất dinh dưỡng gặp nhiều cản trở.

**C.** Vì ở những nước này, động thực vật không tích luỹ đủ các chất dinh dưỡng do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, kết quả là khi sử dụng các động thực vật này làm thức ăn, trẻ sẽ bị thiếu hụt một số chất.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 50.** Đối tượng nào dưới đây thường có nhu cầu dinh dưỡng cao hơn các đối tượng còn lại ?

**A.** Phiên dịch viên

**B.** Nhân viên văn phòng

**C.** Vận động viên đấm bốc

**D.** Lễ tân

**CHƯƠNG 7: BÀI TIẾT**

**Câu 1.** Sản phẩm bài tiết của thận là gì ?

**A.** Nước mắt      **B.** Nước tiểu

**C.** Phân      **D.** Mồ hôi

**Câu 2.** Bộ phận nào có vai trò dẫn nước tiểu từ bể thận xuống bóng đái ?

**A.** Ống dẫn nước tiểu

**B.** Ống thận

**C.** Ống đái

**D.** Ống góp

**Câu 3.** Ở người bình thường, mỗi quả thận chứa khoảng bao nhiêu đơn vị chức năng ?

**A.** Một tỉ      **B.** Một nghìn

**C.** Một triệu      **D.** Một trăm

**Câu 4.** Trong thận, bộ phận nào dưới đây nằm chủ yếu ở phần tuỷ ?

**A.** Ống thận

**B.** Ống góp

**C.** Nang cầu thận

**D.** Cầu thận

**Câu 5.** Cơ quan giữ vai trò quan trọng nhất trong hệ bài tiết nước tiểu là

**A.** bóng đái.

**B.** thận.

**C.** ống dẫn nước tiểu.

**D.** ống đái.

**Câu 6.** Đơn vị chức năng của thận không bao gồm thành phần nào sau đây ?

**A.** Ống góp

**B.** Ống thận

**C.** Cầu thận

**D.** Nang cầu thận

**Câu 7.** Cầu thận được tạo thành bởi

**A.** một chuỗi các tĩnh mạch thận xếp nối tiếp nhau.

**B.** hệ thống các động mạch thận xếp xen kẽ nhau.

**C.** một búi mao mạch dày đặc.

**D.** một búi mạch bạch huyết có kích thước bé.

**Câu 8.** Bộ phận nào dưới đây nằm liền sát với ống đái ?

**A.** Bàng quang

**B.** Thận

**C.** Ống dẫn nước tiểu

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 9.** Chọn số liệu thích hợp điền vào chỗ chấm để hoàn thành câu sau : Ở người, thận thải khoảng … các sản phẩm bài tiết hoà tan trong máu (trừ khí cacbônic).

**A.** 80%      **B.** 70%

**C.** 90%      **D.** 60%

**Câu 10.** Cơ quan nào dưới đây không tham gia vào hoạt động bài tiết ?

**A.** Ruột già      **B.** Phổi

**C.** Thận      **D.** Da

**Câu 11.** Loại cơ nào dưới đây không tham gia vào hoạt động đào thải nước tiểu ?

**A.** Cơ vòng ống đái

**B.** Cơ lưng xô

**C.** Cơ bóng đái

**D.** Cơ bụng

**Câu 12.** Trong quá trình tạo thành nước tiểu, giai đoạn nào dưới đây không cần đến ATP ?

**A.** Bài tiết tiếp

**B.** Hấp thụ lại

**C.** Lọc máu

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 13.** Mỗi ngày, một người bình thường thải ra khoảng bao nhiêu lít nước tiểu ?

**A.** 1,5 lít      **B.** 2 lít

**C.** 1 lít      **D.** 0,5 lít

**Câu 14.** Nước tiểu chứa trong bộ phận nào dưới đây là nước tiểu chính thức ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Bể thận

**C.** Ống thận

**D.** Nang cầu thận

**Câu 15.** Có bao nhiêu cơ vòng ngăn cách giữa bóng đái và ống đái ?

**A.** 2      **B.** 1

**C.** 3      **D.** 4

**Câu 16.** Trong nước tiểu đầu không chứa thành phần nào dưới đây ?

**A.** Hồng cầu

**B.** Nước

**C.** Ion khoáng

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 17.** Thành phần nào dưới đây của nước tiểu đầu sẽ được hấp thụ lại ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Crêatin

**C.** Axit uric

**D.** Nước

**Câu 18.** Trong quá trình lọc máu ở thận, các chất đi qua lỗ lọc nhờ

**A.** sự vận chuyển chủ động của các kênh ion trên màng lọc.

**B.** sự chênh lệch áp suất giữa hai bên màng lọc.

**C.** sự co dãn linh hoạt của các lỗ lọc kèm hoạt động của prôtêin xuyên màng.

**D.** lực liên kết của dòng chất lỏng cuốn các chất đi qua lỗ lọc.

**Câu 19.** Thông thường, lượng nước tiểu trong bóng đái đạt đến thể tích bao nhiêu thì cảm giác buồn đi tiểu sẽ xuất hiện ?

**A.** 50 ml      **B.** 1000 ml

**C.** 200 ml      **D.** 600 ml

**Câu 20.** Thành phần của nước tiểu đầu có gì khác so với máu ?

**A.** Không chứa các chất cặn bã và các nguyên tố khoáng cần thiết

**B.** Không chứa chất dinh dưỡng và các tế bào máu

**C.** Không chứa các tế bào máu và prôtêin có kích thước lớn

**D.** Không chứa các ion khoáng và các chất dinh dưỡng

**Câu 21.** Hoạt động lọc máu để tạo nước tiểu đầu có thể kém hiệu quả hay ngưng trệ hoặc ách tắc vì nguyên nhân nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại.

**B.** Một số cầu thận bị hư hại về cấu trúc do các vi khuẩn gây viêm các bộ phận khác rồi gián tiếp gây viêm cầu thận.

**C.** Các tế bào ống thận do thiếu ôxi, làm việc quá sức hay bị đầu độc nhẹ nên hoạt động kém hiệu quả hơn bình thường.

**D.** Bể thận bị viêm do vi khuẩn theo đường bài tiết nước tiểu đi lên và gây ra.

**Câu 22.** Sự ứ đọng và tích lũy chất nào dưới đây có thể gây sỏi thận ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Axit uric

**C.** Ôxalat

**D.** Xistêin

**Câu 23.** Loại thức ăn nào dưới đây chứa nhiều ôxalat – thủ phạm hàng đầu gây sỏi đường tiết niệu?

**A.** Đậu xanh      **B.** Rau ngót

**C.** Rau bina      **D.** Dưa chuột

**Câu 24.** Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết ?

**A.** Uống nhiều nước

**B.** Nhịn tiểu

**C.** Đi chân đất

**D.** Không mắc màn khi ngủ

**Câu 25.** Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Đi tiểu đúng lúc

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Giữ gìn vệ sinh thân thể

**D.** Uống đủ nước

**Câu 26.** Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều gì sau đây ?

**A.** Ăn quá mặn, quá chua

**B.** Uống nước vừa đủ

**C.** Đi tiểu khi có nhu cầu

**D.** Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc

**Câu 27.** Tác nhân nào dưới đây có thể gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu ?

**A.** Khẩu phần ăn uống không hợp lí

**B.** Vi sinh vật gây bệnh

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Các chất độc có trong thức ăn

**Câu 28.** Các tế bào ống thận có thể bị đầu độc bởi tác nhân nào sau đây ?

**A.** Thủy ngân      **B.** Nước

**C.** Glucôzơ      **D.** Vitamin

**Câu 29.** Sự tổn thương của các tế bào ống thận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nào sau đây ?

**A.** Bài tiết nước tiểu

**B.** Lọc máu

**C.** Hấp thụ và bài tiết tiếp

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 30.** Ca ghép thận đầu tiên trên thế giới được thực hiện vào năm nào ?

**A.** 1963      **B.** 1954

**C.** 1926      **D.** 1981

**CHƯƠNG 8: DA**

**Câu 1.** Trong cấu tạo của da người, các sắc tố mêlanin phân bố ở đâu ?

**A.** Tầng tế bào sống

**B.** Tầng sừng

**C.** Tuyến nhờn

**D.** Tuyến mồ hôi

**Câu 2.** Lớp mỡ dưới da có vai trò chủ yếu là gì ?

**A.** Dự trữ đường

**B.** Cách nhiệt

**C.** Thu nhận kích thích từ môi trường ngoài

**D.** Vận chuyển chất dinh dưỡng

**Câu 3.** Thành phần nào dưới đây không nằm ở lớp bì ?

**A.** Tuyến nhờn

**B.** Mạch máu

**C.** Sắc tố da

**D.** Thụ quan

**Câu 4.** Trong cấu tạo của da người, thành phần nào chỉ bao gồm những tế bào chết xếp sít nhau ?

**A.** Cơ co chân lông

**B.** Lớp mỡ

**C.** Thụ quan

**D.** Tầng sừng

**Câu 5.** Ở người, lông và móng sinh ra từ các túi cấu tạo bởi các tế bào của

**A.** tầng sừng.

**B.** tầng tế bào sống.

**C.** cơ co chân lông.

**D.** mạch máu.

**Câu 6.** Ở người, lông không bao phủ ở vị trí nào dưới đây ?

**A.** Gan bàn chân

**B.** Má

**C.** Bụng chân

**D.** Đầu gối

**Câu 7.** Hoạt động của bộ phận nào giúp da luôn mềm mại và không bị thấm nước ?

**A.** Thụ quan

**B.** Tuyến mồ hôi

**C.** Tuyến nhờn

**D.** Tầng tế bào sống

**Câu 8.** Cảm giác nóng, lạnh ta có được trên da là do hoạt động chức năng của thành phần nào mang lại ?

**A.** Thụ quan

**B.** Mạch máu

**C.** Tuyến mồ hôi

**D.** Cơ co chân lông

**Câu 9.** Lông mày có tác dụng gì ?

**A.** Bảo vệ trán

**B.** Hạn chế bụi bay vào mắt

**C.** Ngăn không cho mồ hôi chảy xuống mắt

**D.** Giữ ẩm cho đôi mắt

**Câu 10.** Da có vai trò gì đối với đời sống con người ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Bảo vệ cơ thể

**C.** Điều hòa thân nhiệt

**D.** Góp phần tạo nên vẻ đẹp bên ngoài

**Câu 11.** Một làn da sạch sẽ có khả năng tiêu diệt khoảng bao nhiêu phần trăm số vi khuẩn bám trên da ?

**A.** 85%      **B.** 40%

**C.** 99%      **D.** 35%

**Câu 12.** Hiện tượng mụn trứng cá ở tuổi dậy thì chủ yếu là do sự tăng cường hoạt động của bộ phận nào ?

**A.** Lông và bao lông

**B.** Tuyến nhờn

**C.** Tuyến mồ hôi

**D.** Tầng tế bào sống

**Câu 13.** Để tăng cường sức chịu đựng của làn da, chúng ta có thể áp dụng biện pháp nào sau đây ?

**A.** Thường xuyên tập thể dục, thể thao

**B.** Tắm nước lạnh theo lộ trình tăng dần mức độ nhưng phải đảm bảo độ vừa sức

**C.** Tắm nắng vào sáng sớm (6 – 7 giờ vào mùa hè hoặc 8 – 9 giờ vào mùa đông)

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 14.** Việc làm nào dưới đây giúp tăng cường lưu thông máu, khiến da ngày một hồng hào, khỏe mạnh ?

**A.** Để đầu trần đi lại dưới trời nắng

**B.** Tắm nước lạnh, càng lạnh càng tốt

**C.** Tắm nắng vào buổi trưa

**D.** Thường xuyên mát xa cơ thể

**Câu 15.** Để phòng ngừa các bệnh ngoài da, biện pháp khả thi nhất là gì ?

**A.** Tránh để da bị xây xát

**B.** Luôn vệ sinh da sạch sẽ

**C.** Bôi kem dưỡng ẩm cho da

**D.** Tập thể dục thường xuyên

**Câu 16.** Da của loài động vật nào dưới đây thường được dùng trong điều trị bỏng cho con người ?

**A.** Ếch      **B.** Bò

**C.** Cá mập      **D.** Khỉ

**Câu 17.** Bệnh nào dưới đây là một trong những bệnh ngoài da ?

**A.** Tả

**B.** Sốt xuất huyết

**C.** Hắc lào

**D.** Thương hàn

**Câu 18.** Khi vết thương hở tiếp xúc với bùn, đất bẩn hoặc phân động vật, ta có nguy cơ mắc bệnh nào dưới đây ?

**A.** Uốn ván

**B.** Tiêu chảy cấp

**C.** Viêm gan A

**D.** Thủy đậu

**Câu 19.** Khi bị bỏng nhẹ, chúng ta cần phải thực hiện ngay thao tác nào sau đây ?

**A.** Băng bó vết bỏng bằng bông và gạc sạch

**B.** Bôi kem liền sẹo lên phần da bị bỏng

**C.** Ngâm phần da bị bỏng vào nước lạnh và sạch

**D.** Rửa vết thương trên vòi nước với xà phòng diệt khuẩn

**Câu 20.** Khi bị mụn trứng cá, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Rửa mặt thật sạch ngày 2 lần

**C.** Không nặn mụn, hạn chế sờ tay lên mặt

**D.** Nếu xuất hiện bội nhiễm, hãy nhanh chóng tìm đến các bác sĩ chuyên khoa

 **Câu 21: Lớp mỡ dưới da có vai trò gì:**

**A.** Chứa mỡ dự trữ và cách nhiệt. **B.** Giúp da luôn mềm mại.

**C.** Giúp da không bị thấm nước. **D.** Cảm thụ xúc giác: nóng, lạnh.

**Câu 22: Tăng tiết mồ hôi, lỗ chân lông mở rộng là phản xạ giúp cơ thể:**

**A.** Tăng nhiệt lượng lên **B.** Thoát bớt nước ra ngoài

**C.** Giảm lượng nhiệt xuống **D.** Tất cả các ý trên

**Câu 23: Thời gian tắm nắng phù hợp nhất để da có thể hấp thu vitamin D là:**

**A.** Từ 8-9 giờ ánh sáng vừa phải **B.** Buổi trưa ánh sáng mạnh

**C.** Tắm sau 1h lúc vẫn còn nắng rát **D.** Lúc đói cơ thể mệt mỏi.

**CHƯƠNG 9: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN**

**Câu 1.** Ở hệ thần kinh người, bộ phận ngoại trung ương không bao gồm thành phần nào dưới đây ?

**A.** Tiểu não

**B.** Trụ não

**C.** Tủy sống

**D.** Hạch thần kinh

**Câu 2.** Dựa vào đâu mà hệ thần kinh người được phân biệt thành hệ thần kinh vận động và hệ thần kinh sinh dưỡng ?

**A.** Cấu tạo

**B.** Chức năng

**C.** Tần suất hoạt động

**D.** Thời gian hoạt động

**Câu 3.** Đơn vị cấu tạo nên hệ thần kinh là

**A.** hạch thần kinh.

**B.** dây thần kinh.

**C.** cúc xináp.

**D.** nơron.

**Câu 4.** Mỗi nơron có bao nhiêu sợi trục ?

**A.** 4      **B.** 3

**C.** 2      **D.** 1

**Câu 5.** Bao miêlin là cấu trúc nằm trên bộ phận nào của nơron ?

**A.** Thân nơron      **B.** Sợi trục

**C.** Sợi nhánh      **D.** Cúc xináp

**Câu 6.** Nơron có chức năng gì ?

**A.** Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh

**B.** Tiếp nhận và xử lí các kích thích

**C.** Trả lời các kích thích

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 7.** Người trưởng thành có khoảng bao nhiêu tế bào não ?

**A.** 1 tỉ tế bào

**B.** 100 tỉ tế bào

**C.** 1000 tỉ tế bào

**D.** 10 tỉ tế bào

**Câu 8.** Khi nói về nơron, nhận định nào dưới đây là đúng ?

**A.** Không có khả năng phân chia

**B.** Không có khả năng tái sinh phần cuối sợi trục

**C.** Có nhiều sợi trục

**D.** Có một sợi nhánh

**Câu 9.** Cúc xináp nằm ở vị trí nào trên nơron ?

**A.** Giữa các bao miêlin

**B.** Đầu sợi nhánh

**C.** Cuối sợi trục

**D.** Thân nơron

**Câu 10.** Ở người, hoạt động nào dưới đây chịu sự điều khiển của vỏ não ?

**A.** Bài tiết nước tiểu

**B.** Co bóp dạ dày

**C.** Dãn mạch máu dưới da

**D.** Co đồng tử

**Câu 11.** Con người có bao nhiêu đôi dây thần kinh tủy ?

**A.** 31 đôi

**B.** 12 đôi

**C.** 26 đôi

**D.** 15 đôi

**Câu 12.** Rễ trước của tủy sống còn có tên gọi khác là gì ?

**A.** Rễ li tâm

**B.** Rễ cảm giác

**C.** Rễ vận động

**D.** Rễ hướng tâm

**Câu 13.** Dây thần kinh tủy được cấu tạo như thế nào ?

**A.** Tùy từng loại mà dây thần kinh được cấu tạo bởi bó sợi thần kinh vận động hoặc bó sợi cảm giác.

**B.** Chỉ được cấu tạo bởi bó sợi thần kinh vận động

**C.** Chỉ được cấu tạo bởi bó sợi thần kinh cảm giác

**D.** Bao gồm bó sợi thần kinh cảm giác và bó sợi thần kinh vận động

**Câu 14.** Rễ sau ở tủy sống là

**A.** rễ cảm giác hoặc rễ vận động.

**B.** rễ vừa có chức năng cảm giác, vừa có chức năng vận động.

**C.** rễ vận động.

**D.** rễ cảm giác.

**Câu 15.** Khi tiến hành cắt rễ trước liên quan đến dây thần kinh đi đến chi sau bên phải của ếch rồi kích thích bằng HCl 1%, hiện tượng gì sẽ xảy ra ?

**A.** Chi sau bên phải co, các chi còn lại thì không

**B.** Chi sau bên phải không co nhưng co các chi còn lại

**C.** Tất cả các chi đều co

**D.** Tất cả các chi đều không co

**Câu 16.** Khi tiến hành cắt rễ sau liên quan đến dây thần kinh đi đến chi sau bên trái của ếch rồi kích thích bằng HCl 1%, hiện tượng gì sẽ xảy ra ?

**A.** Chi sau bên phải co, các chi còn lại thì không

**B.** Tất cả các chi đều không co

**C.** Tất cả các chi đều co

**D.** Chi sau bên trái không co nhưng co các chi còn lại

**Câu 17.** Tại sao nói dây thần kinh tủy là dây pha ?

**A.** Vì nó bao gồm cả bó sợi thần kinh hướng tâm (cảm giác) và bó sợi thần kinh li tâm (vận động)

**B.** Vì nó vừa thu nhận, vừa trả lời kích thích

**C.** Vì nó vừa chịu sự chi phối của hệ thần kinh sinh dưỡng, vừa chịu sự điều khiển của hệ thần kinh vận động

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 18.** Ở tủy sống, rễ trước có vai trò gì ?

**A.** Phân tích và xử lí các kích thích tiếp nhận được từ cơ quan thụ cảm

**B.** Dẫn truyền xung thần kinh cảm giác từ cơ quan thụ cảm về trung ương

**C.** Dẫn truyền xung thần kinh vận động từ trung ương tới cơ quan đáp ứng

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 19.** Ở tủy sống, rễ sau có vai trò gì ?

**A.** Dẫn truyền xung thần kinh cảm giác từ cơ quan thụ cảm về trung ương

**B.** Phân tích và xử lí các kích thích tiếp nhận được từ cơ quan thụ cảm

**C.** Dẫn truyền xung thần kinh vận động từ trung ương tới cơ quan đáp ứng

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 20.**Thành phần nào dưới đây là một bộ phận của dây thần kinh tủy ?

**A.** Rễ vận động

**B.** Hạch thần kinh

**C.** Lỗ tủy

**D.** Hành não

**Câu 21.** Ở người, bộ phận nào nằm giữa trụ não và đại não ?

**A.** Tủy sống

**B.** Hạch thần kinh

**C.** Não trung gian

**D.** Tiểu não

**Câu 22.** Liền phía sau trụ não là

**A.** não giữa.      **B.** đại não.

**C.** tiểu não.      **D.** hành não.

**Câu 23.** Bộ phận nào của não nối liền trực tiếp với tủy sống ?

**A.** Não trung gian

**B.** Não giữa

**C.** Cầu não

**D.** Hành não

**zCâu 24.** Trụ não không bao gồm cấu trúc nào dưới đây ?

**A.** Hành não      **B.** Cầu não

**C.** Não giữa      **D.** Tiểu não

**Câu 25.** Bộ phận nào dưới đây được cấu tạo bởi chất trắng bao ngoài, chất xám nằm bên trong ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Trụ não

**C.** Tiểu não

**D.** Đại não

**Câu 26.** Ở người, trụ não có chức năng chủ yếu là gì ?

**A.** Điều khiển các hoạt động có ý thức của con người.

**B.** Điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan, đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**C.** Điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**D.** Là trung ương điều khiển các quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt.

**Câu 27.** Bộ phận nào của não là trạm cuối cùng chuyển tiếp của tất cả các đường truyền cảm giác từ dưới đi lên não ?

**A.** Cầu não

**B.** Tiểu não

**C.** Não giữa

**D.** Não trung gian

**Câu 28.** Con người có tất cả bao nhiêu đôi dây thần kinh não ?

**A.** 6 đôi      **B.** 31 đôi

**C.** 12 đôi      **D.** 24 đôi

**Câu 29.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Ở người, nhân xám của … là các trung khu thần kinh, nơi xuất phát của các dây thần kinh não.

**A.** tiểu não

**B.** não trung gian

**C.** trụ não

**D.** tiểu não

**Câu 30.** Khi phá hủy một phần của bộ phận nào dưới đây, ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng ?

**A.** Cuống não      **B.** Tiểu não

**C.** Hành não      **D.** Cầu não

**Câu 31.** Mỗi bán cầu đại não ở người được phân chia thành mấy thùy ?

**A.** 2      **B.** 4

**C.** 5      **D.** 3

**Câu 32.** Vỏ não được cấu tạo chủ yếu bởi các tế bào có hình dạng như thế nào ?

**A.** Hình tháp

**B.** Hình nón

**C.** Hình trứng

**D.** Hình sao

**Câu 33.** Ở người trưởng thành, diện tích bề mặt của vỏ não nằm trong khoảng bao nhiêu ?

**A.** 2300 – 2500 cm2

**B.** 1800 – 2000 cm2

**C.** 2000 – 2300 cm2

**D.** 2500 – 2800 cm2

**Câu 34.** Vỏ não người có bề dày khoảng

**A.** 1 – 2 mm.

**B.** 2 – 3 mm.

**C.** 3 – 5 mm.

**D.** 7 – 8 mm.

**Câu 35.** Ở vỏ não người, rãnh đỉnh là nơi ngăn cách

**A.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**B.** thùy trán với thùy đỉnh.

**C.** thùy đỉnh và thùy thái dương.

**D.** Thùy thái dương và thùy chẩm.

**Câu 36.** Vùng thị giác nằm ở thùy nào của vỏ não ?

**A.** Thùy chẩm

**B.** Thùy thái dương

**C.** Thùy đỉnh

**D.** Thùy trán

**Câu 37.** Ở người, vùng chức năng nào dưới đây nằm ở thùy trán ?

**A.** Vùng vị giác

**B.** Vùng hiểu tiếng nói

**C.** Vùng vận động ngôn ngữ

**D.** Vùng thính giác

**Câu 38.** Khi nói về cấu tạo của đại não, phát biểu nào dưới đây là đúng ?

**A.** Chất xám bao bọc bên ngoài, chất trắng nằm bên trong

**B.** Chất xám bao bọc bên ngoài, chất trắng nằm bên trong tạo thành các nhân nền

**C.** Chất trắng bao bọc bên ngoài, chất xám nằm bên trong

**D.** Chất trắng bao bọc bên ngoài, chất xám nằm bên trong tạo thành các nhân nền

**Câu 39.** Chọn số liệu thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Ở người, hơn … bề mặt của vỏ não nằm trong các khe và rãnh.

**A.** 4/5      **B.** 3/4

**C.** 2/3      **D.** 5/6

**Câu 40.** Hầu hết các đường dẫn truyền nối giữa vỏ não và các phần dưới của não đều bắt chéo ở

**A.** hành tủy hoặc tủy sống.

**B.** não trung gian hoặc trụ não.

**C.** tủy sống hoặc tiểu não.

**D.** tiểu não hoặc não giữa.

**Câu 41.** Hệ thần kinh giao cảm ở người được phân chia thành mấy phân hệ ?

**A.** 4      **B.** 3

**C.** 5      **D.** 2

**Câu 42.** Trung ương của phân hệ thần kinh giao cảm là các nhân xám ở sừng bên tủy sống hân bố từ

**A.** đốt tủy ngực V đến đốt tủy thắt lưng II.

**B.** đốt tủy ngực I đến đốt tủy thắt lưng III.

**C.** đốt tủy ngực I đến đốt tủy thắt lưng II.

**D.** đốt tủy ngực III đến đốt tủy thắt lưng I.

**Câu 43.** Ở người, hai chuỗi hạch nằm dọc hai bên cột sống thuộc về

**A.** phân hệ đối giao cảm và hệ thần kinh vận động.

**B.** hệ thần kinh vận động.

**C.** phân hệ đối giao cảm.

**D.** phân hệ giao cảm.

 **Câu4 4.** Khi nói về phân hệ đối giao cảm, nhận định nào sau đây là chính xác ?

**A.** Trung ương nằm ở đại não

**B.** Sợi trục của nơron trước hạch ngắn

**C.** Nơron sau hạch có bao miêlin.

**D.** Sợi trục của nơron sau hạch ngắn

**Câu 45.** Trung ương của phân hệ đối giao cảm nằm ở bộ phận nào dưới đây ?

1. Đại não

2. Trụ não

3. Tủy sống

4. Tiểu não

**A.** 2, 3

**B.** 1, 4

**C.** 1, 2

**D.** 3, 4

**Câu 46.** Các hạch của phân hệ đối giao cảm nằm ở đâu ?

**A.** Nằm gần cơ quan phụ trách

**B.** Nằm gần tủy sống

**C.** Nằm gần trụ não

**D.** Nằm liền dưới vỏ não

**Câu 47.** Khi tác động lên một cơ quan, phân hệ giao cảm và phân hệ đối giao cảm có tác dụng

**A.** tương tự nhau.

**B.** giống hệt nhau.

**C.** đối lập nhau.

**D.** đồng thời với nhau.

**Câu 48.** Tác dụng sinh lý nào dưới đây thuộc về phân hệ đối giao cảm ?

**A.** Dãn mạch máu ruột

**B.** Dãn mạch máu đến cơ

**C.** Dãn đồng tử

**D.** Dãn cơ bóng đái

**Câu 49.** Khi tác động lên các cơ quan, phân hệ giao cảm gây ra phản ứng nào dưới đây ?

**A.** Co phế quản nhỏ

**B.** Tăng tiết nước bọt

**C.** Giảm nhu động ruột

**D.** Giảm lực co tim và nhịp tim

**Câu 50.** Phát biểu nào dưới đây về hệ thần kinh sinh dưỡng ở người là đúng ?

**A.** Sợi trước hạch của cả hai phân hệ đều có bao miêlin.

**B.** Sợi sau hạch của cả hai phân hệ đều có bao miêlin.

**C.** Sợi trước hạch của phân hệ giao cảm và sợi sau hạch của phân hệ đối giao cảm có bao miêlin.

**D.** Sợi sau hạch của phân hệ giao cảm và sợi trước hạch của phân hệ đối giao cảm có bao miêlin

**Câu 51.** Cơ quan phân tích thị giác gồm có 3 thành phần chính, đó là

**A.** các tế bào thụ cảm thị giác ở màng lưới, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở thùy chẩm.

**B.** các tế bào thụ cảm thị giác ở màng mạch, dây thần kinh thính giác và vùng thị giác ở thùy đỉnh.

**C.** các tế bào thụ cảm thị giác ở màng cứng, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở thùy trán.

**D.** các tế bào thụ cảm thị giác ở màng lưới, dây thần kinh vị giác và vùng vị giác ở thùy chẩm.

**Câu 52.** Dây thần kinh thị giác là

**A.** dây số I.

**B.** dây số IX.

**C.** dây số II.

**D.** dây số VIII.

**Câu 53.** Cầu mắt cấu tạo gồm mấy lớp ?

**A.** 5 lớp      **B.** 4 lớp

**C.** 2 lớp      **D.** 3 lớp

**Câu 54.** Loại tế bào nào dưới đây không phải là tế bào thụ cảm thị giác ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Tế bào nón

**C.** Tế bào que

**D.** Tế bào hạch

**Câu 55.** Ở màng lưới, điểm vàng là nơi tập trung chủ yếu của

**A.** tế bào que.

**B.** tế bào nón.

**C.** tế bào hạch.

**D.** tế bào hai cực.

**Câu 56.** Tế bào nón tiếp nhận dạng kích thích nào dưới đây ?

**A.** Ánh sáng yếu và ánh sáng mạnh

**B.** Ánh sáng mạnh và màu sắc

**C.** Ánh sáng yếu và màu sắc

**D.** Cả ánh sáng mạnh, ánh sáng yếu và màu sắc

**Câu 57.** Ở mắt người, điểm mù là nơi

**A.** đi ra của các sợi trục tế bào thần kinh thị giác.

**B.** nơi tập trung tế bào nón.

**C.** nơi tập trung tế bào que.

**D.** nơi đi ra của các sợi trục tế bào liên lạc ngang.

**Câu 58.** Trong cầu mắt người, thành phần nào dưới đây có thể tích lớn nhất ?

**A.** Màng giác

**B.** Thủy dịch

**C.** Dịch thủy tinh

**D.** Thể thủy tinh

**Câu 59.** Mống mắt còn có tên gọi khác là

**A.** lòng đen.

**B.** lỗ đồng tử.

**C.** điểm vàng.

**D.** điểm mù.

**Câu 60.** Chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Nhờ khả năng điều tiết của … mà ta có thể nhìn rõ vật ở xa cũng như khi tiến lại gần.

**A.** thể thủy tinh

**B.** thủy dịch

**C.** dịch thủy tinh

**D.** màng giác

**Câu 61.** Cận thị là

**A.** tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.

**B.** tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.

**C.** tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

**D.** tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

**Câu 62.** Viễn thị thường gặp ở

**A.** thai nhi.

**B.** trẻ em.

**C.** người lớn tuổi.

**D.** thanh niên.

**Câu 63.** Viễn thị có thể phát sinh do nguyên nhân nào dưới đây ?

1. Do cầu mắt quá dài

2. Do cầu mắt ngắn

3. Do thể thủy tinh bị lão hóa

4. Do thường xuyên nhìn vật với khoảng cách quá gần

**A.** 1, 2, 3 4

**B.** 2, 4

**C.** 1, 3

**D.** 2, 3

**Câu 64.** Đâu là nguyên nhân gây ra cận thị ?

1. Do cầu mắt quá dài

2. Do cầu mắt ngắn

3. Do thể thủy tinh bị lão hóa

4. Do thường xuyên nhìn vật với khoảng cách quá gần

**A.** 1, 4

**B.** 2, 4

**C.** 1, 3

**D.** 2, 3

**Câu 65.** Để khắc phục tật cận thị, ta cần đeo

**A.** kính râm.

**B.** kính lúp.

**C.** kính hội tụ.

**D.** kính phân kì.

**Câu 66.** Để khắc phục tật viễn thị, ta cần đeo loại kính nào dưới đây ?

**A.** Kính hiển vi

**B.** Kính hội tụ

**C.** Kính viễn vọng

**D.** Kính phân kì

**Câu 67.** Trong các bệnh về mắt, bệnh nào phổ biến nhất ?

**A.** Đau mắt đỏ

**B.** Đau mắt hột

**C.** Đục thủy tinh thể

**D.** Thoái hóa điểm vàng

**Câu 68.** Để phòng ngừa các bệnh về mắt do vi sinh vật gây ra, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Hạn chế tiếp xúc với nguồn bệnh

**C.** Hạn chế sờ tay lên mắt, dụi mắt

**D.** Nhỏ mắt thường xuyên bằng nước muối sinh lí 0,9%

**Câu 69.** Việc giữ đúng tư thế và khoảng cách khi viết hay đọc sách giúp ta phòng ngừa được tật nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Viễn thị

**C.** Cận thị

**D.** Loạn thị

**Câu 70.** Kính hội tụ còn có tên gọi khác là

**A.** kính râm.      **B.** kính cận.

**C.** kính lão.      **D.** kính lúp.

**Câu 71.** Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

**A.** màng cơ sở.

**B.** màng tiền đình.

**C.** màng nhĩ.

**D.** màng cửa bầu dục.

**Câu 72.** Ở người, loại xương nào dưới đây được gắn trực tiếp với màng nhĩ ?

**A.** Xương bàn đạp

**B.** Xương đe

**C.** Xương búa

**D.** Xương đòn

**Câu 73.** Ở tai giữa của chúng ta tồn tại mấy loại xương ?

**A.** 5      **B.** 4

**C.** 2      **D.** 3

**Câu 74.** Trong tai người, xương bàn đạp nằm áp sát với bộ phận nào dưới đây ?

**A.** Màng nhĩ

**B.** Màng cửa bầu dục

**C.** Màng tiền đình

**D.** Ống bán khuyên

**Câu 75.** Ở tai trong, bộ phận nào có nhiệm vụ thu nhận các thông tin về vị trí và sự chuyển động của cơ thể trong không gian ?

**A.** Ốc tai và ống bán khuyên

**B.** Bộ phận tiền đình và ốc tai

**C.** Bộ phận tiền đình và ống bán khuyên

**D.** Bộ phận tiền đình, ốc tai và ống bán khuyên

**Câu 76.** Các tế bào thụ cảm thính giác nằm ở

**A.** màng bên.

**B.** màng cơ sở.

**C.** màng tiền đình.

**D.** màng cửa bầu dục.

**Câu 77.** Vì sao trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa ?

**A.** Vì vi sinh vật gây viêm họng và vi sinh vật gây viêm tai giữa luôn cùng chủng loại với nhau.

**B.** Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**C.** Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 78.** Tai ngoài có vai trò gì đối với khả năng nghe của con người ?

**A.** Hứng sóng âm và hướng sóng âm

**B.** Xử lí các kích thích về sóng âm

**C.** Thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể trong không gian

**D.** Truyền sóng âm về não bộ

**Câu 79.** Mỗi bên tai người có bao nhiêu ống bán khuyên ?

**A.** 1      **B.** 2

**C.** 3      **D.** 4

**Câu 80.** Để bảo vệ tai, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại.

**B.** Vệ sinh tai sạch sẽ bằng tăm bông, tránh dùng vật sắc nhọn vì có thể gây tổn thương màng nhĩ.

**C.** Tránh nơi có tiếng ồn hoặc sử dụng các biện pháp chống ồn (dùng bịt tai, xây tường cách âm…).

**D.** Súc miệng bằng nước muối sinh lý thường xuyên để phòng ngừa viêm họng, từ đó giảm thiếu nguy cơ viêm tai giữa.

**Câu 81.** Phản xạ không điều kiện có đặc điểm nào dưới đây ?

**A.** Mang tính chất cá thể, không di truyền

**B.** Trung ương nằm ở trụ não và tủy sống

**C.** Dễ mất đi khi không được củng cố

**D.** Số lượng không hạn định

**Câu 82.** Phản xạ có điều kiện mang đặc trưng nào sau đây ?

**A.** Có sự hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời

**B.** Cung phản xạ đơn giản

**C.** Mang tính chất bẩm sinh

**D.** Bền vững theo thời gian

**Câu 83.** Phản xạ nào dưới đây là phản xạ có điều kiên ?

**A.** Bỏ chạy khi có báo cháy

**B.** Nổi gai gốc khi có gió lạnh lùa

**C.** Vã mồ hôi khi tập luyện quá sức

**D.** Rụt tay lại khi chạm phải vật nóng

**Câu 84.** Phản xạ nào dưới đây không có sự tham gia điều khiển của vỏ não ?

**A.** Tim đập nhanh khi nhìn thấy chó dại chạy đến gần

**B.** Môi tím tái khi trời rét

**C.** Né sang đường khác khi thấy đường đang đi tới bị tắc

**D.** Xếp hàng chờ mua bánh Trung thu

**Câu 85.** Phản xạ nào dưới đây có thể bị mất đi nếu không thường xuyên củng cố ?

**A.** Co chân lại khi bị kim châm

**B.** Bật dậy khi nghe thấy tiếng chuông báo thức

**C.** Đỏ bừng mặt khi uống rượu

**D.** Vã mồ hôi khi lao động nặng nhọc

**Câu 86.** Thông thường, sự duy trì hay biến mất của phản xạ có điều phụ thuộc chủ yếu vào sự tồn tại của yếu tố nào sau đây ?

**A.** Đường liên hệ thần kinh tạm thời

**B.** Các vùng chức năng của vỏ não

**C.** Kích thích không điều kiện

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 87.** Sự hình thành phản xạ có điều kiện cần tới điều kiện nào sau đây ?

**A.** Kích thích có điều kiện phải tác động cùng lúc với kích thích không điều kiện

**B.** Kích thích không điều kiện phải tác động trước kích thích có điều kiện một thời gian ngắn

**C.** Có sự kết hợp giữa một kích thích có điều kiện và một kích thích không điều kiện

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 88.** Phản xạ có điều kiện có ý nghĩa như thế nào trong đời sống con người ?

**A.** Có tính linh hoạt cao, giúp con người dễ dàng thay đổi thói quen để thích nghi với điều kiện sống mới.

**B.** Mang tính bền vững, giúp con người giữ được các phẩm chất đã được hình thành qua thời gian dài sinh sống.

**C.** Có tính chất cá thể, tạo ra sự đa dạng sinh học trong nội bộ loài người.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 89.** Ai là người đầu tiên xây dựng một thí nghiệm quy mô về sự hình thành phản xạ có điều kiện ở loài chó ?

**A.** **C.** Đacuyn

**B.** G. Simson

**C.** I.V. Paplôp

**D.** G. Menđen

**Câu 90.** Phản xạ nào dưới đây không phải là phản xạ có điều kiện ?

**A.** Run lập cập khi giáo viên gọi lên bảng khảo bài

**B.** Chảy nước miếng khi nhìn thấy quả sấu

**C.** Vã mồ hôi khi ăn đồ chua

**D.** Bỏ chạy khi nhìn thấy rắn

**Câu 91.** Ở người, sự học tập, rèn luyện, xây dựng hay thay đổi các thói quen là kết quả của

**A.** quá trình hình thành các phản xạ không điều kiện.

**B.** quá trình hình thành và ức chế các phản xạ có điều kiện.

**C.** quá trình hình thành và ức chế các phản xạ không điều kiện.

**D.** quá trình ức chế các phản xạ có điều kiện.

**Câu 92.** Hệ thống tín hiệu thứ hai của sự vật bao gồm những yếu tố nào ?

**A.** Tiếng nói và chữ viết

**B.** Thị giác và thính giác

**C.** Âm thanh và hành động

**D.** Màu sắc và hình dáng

**Câu 93.** Phản xạ nào dưới đây có sự tham gia của hệ thống tín hiệu thứ hai ?

**A.** Chảy nước miếng khi có ai đó nhắc đến từ “me”

**B.** Bỏ chạy khi có báo động cháy

**C.** Nổi gai ốc khi đi qua nghĩa địa

**D.** Dừng lại trước ngã tư khi nhìn thấy đèn tín hiệu màu đỏ bật sáng

**Câu 94.** Phản xạ nào dưới đây không có sự tham gia của hệ thống tín hiệu thứ hai ?

**A.** Cười như nắc nẻ khi đọc truyện tiếu lâm

**B.** Nhanh chóng ổn định chỗ ngồi khi nghe lớp trưởng la lớn “Thầy giám hiệu đang tới”

**C.** Sụt sùi khóc khi nghe kể về một câu chuyện cảm động

**D.** Rơm rớm nước mắt khi nhìn thấy một người ăn mày

**Câu 95.** Tiếng nói và chữ viết là cơ sở của

**A.** ngôn ngữ.

**B.** tư duy.

**C.** trí nhớ.

**D.** phản xạ không điều kiện.

**Câu 96.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Tiếng nói và chữ viết là … để con người giao tiếp, trao đổi kinh nghiệm với nhau.

**A.** phương tiện      **B.** cơ sở

**C.** nền tảng      **D.** mục đích

**Câu 97.** Tiếng nói và chữ viết được gộp chung thành

**A.** giáo dục.      **B.** văn hóa.

**C.** ngôn ngữ.      **D.** xã hội.

**Câu 98.** Khả năng tư duy trừu tượng chỉ có ở đối tượng nào trong sinh giới ?

**A.** Con người

**B.** Động vật linh trưởng

**C.** Động vật có xương sống

**D.** Thú có túi

**Câu 99.** Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình nào dưới đây ?

**A.** Cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật

**B.** Cụ thể hóa và phân tích các sự vật, hiện tượng

**C.** Khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật

**D.** Cụ thể hóa và trừu tượng hóa các sự vật

**Câu 100.** Sự hình thành các phản xạ có điều kiện có thể mang lại kết quả nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Giúp trẻ phân biệt được người quen với người lạ

**C.** Giúp hình thành nếp sống văn hóa

**D.** Giúp con người thích nghi với môi trường sống mới

**Câu 101.** Mỗi ngày, một người trưởng thành nên ngủ trung bình bao nhiêu tiếng ?

**A.** 5 tiếng      **B.** 8 tiếng

**C.** 9 tiếng      **D.** 11 tiếng

**Câu 102.** Đồ uống nào dưới đây gây hại cho hệ thần kinh ?

**A.** Nước khoáng

**B.** Nước lọc

**C.** Rượu

**D.** Sinh tố chanh leo

**Câu 103.** Ban đêm, để dễ đi vào giấc ngủ, bạn không nên sử dụng đồ uống nào dưới đây ?

**A.** Cà phê

**B.** Trà atisô

**C.** Nước rau má

**D.** Nước khoáng

**Câu 104.** Để bảo vệ hệ thần kinh, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Giữ cho tâm hồn được thanh thản, tránh suy nghĩ lo âu

**C.** Xây dựng một chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lí

**D.** Đảm bảo giấc ngủ hằng ngày để phục hồi chức năng của hệ thần kinh sau thời gian làm việc căng thẳng

**Câu 105.** Để có giấc ngủ tốt, chúng ta có thể áp dụng biện pháp nào sau đây ?

**A.** Tắm nước ấm trước khi đi ngủ

**B.** Thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao

**C.** Lắng nghe những bản nhạc du dương

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 106.** Loại đồ uống nào dưới đây có tác dụng an thần, giảm căng thẳng thần kinh và chống mất ngủ ?

**A.** Trà tâm sen

**B.** Trà móc câu

**C.** Trà sâm

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 107.** Điều nào sau đây có thể gây cản trở đến giấc ngủ của bạn ?

**A.** Tâm trạng bất ồn

**B.** Tiếng ồn

**C.** Ánh sáng mạnh

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 108.** Vì sao nói ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể ?

**A.** Vì đó là kết quả của quá trình ức chế tự nhiên sau một thời gian làm việc của hệ thần kinh.

**B.** Vì khi ngủ, khả năng làm việc của hệ thần kinh được phục hồi lại hoàn toàn.

**C.** Vì thời gian đi vào giấc ngủ đã được cài đặt sẵn trong cấu trúc hệ gen của loài người.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 109.** Trong các đối tượng dưới đây, đối tượng nào có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất ?

**A.** Người cao tuổi

**B.** Thanh niên

**C.** Trẻ sơ sinh

**D.** Trẻ vị thành niên

**Câu 200.** Chất nào dưới đây có hại cho hệ thần kinh ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Hêrôin

**C.** Cafêin

**D.** Côcain

**CHƯƠNG 10: NỘI TIẾT**

**Câu 1.** Tuyến nào dưới đây vừa có chức năng ngoại tiết, vừa có chức năng nội tiết ?

**A.** Tuyến cận giáp

**B.** Tuyến yên

**C.** Tuyến trên thận

**D.** Tuyến sinh dục

**Câu 2.** Tuyến nội tiết nào dưới đây nằm ở vùng đầu ?

**A.** Tuyến tùng

**B.** Tuyến tụy

**C.** Tuyến ức

**D.** Tuyến giáp

**Câu 3.** Dịch tiết của tuyến nào dưới đây không đi theo hệ thống dẫn ?

**A.** Tuyến nước bọt

**B.** Tuyến sữa

**C.** Tuyến giáp

**D.** Tuyến mồ hôi

**Câu 4.** Sản phẩm tiết của tuyến nội tiết có tên gọi là gì ?

**A.** Kháng nguyên

**B.** Hoocmôn

**C.** Enzim

**D.** Kháng thể

**Câu 5.** Hoocmôn glucagôn chỉ có tác dụng làm tăng đường huyết, ngoài ra không có chức năng nào khác. Ví dụ trên cho thấy tính chất nào của hoocmôn ?

**A.** Tính đặc hiệu

**B.** Tính phổ biến

**C.** Tính đặc trưng cho loài

**D.** Tính bất biến

**Câu 6.** Hoocmôn có vai trò nào sau đây ?

1. Duy trì tính ổn định của môi trường bên trong cơ thể

2. Xúc tác cho các phản ứng chuyển hóa vật chất bên trong cơ thể

3. Điều hòa các quá trình sinh lý

4. Tiêu diệt các tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể

**A.** 2, 4

**B.** 1, 2

**C.** 1, 3

**D.** 1, 2, 3, 4

**Câu 7.** Chỉ cần một lượng rất nhỏ, hoocmôn đã tạo ra những chuyển biến đáng kể ở môi trường bên trong cơ thể. Điều này cho thấy tính chất nào của hoocmôn ?

**A.** Có tính đặc hiệu

**B.** Có tính phổ biến

**C.** Có tính đặc trưng cho loài

**D.** Có hoạt tính sinh học rất cao

**Câu 8.** Sản phẩm tiết của các tuyến nội tiết được phân bố đi khắp cơ thể qua con đường nào ?

**A.** Hệ thống ống dẫn chuyên biệt

**B.** Đường máu

**C.** Đường bạch huyết

**D.** Ống tiêu hóa

**Câu 9.** Ở người, vùng cổ có mấy tuyến nội tiết ?

**A.** 2      **B.** 3

**C.** 1      **D.** 4

**Câu 10.** Tuyến nào dưới đây là tuyến pha ?

**A.** Tuyến tùng      **B.** Tuyến sữa

**C.** Tuyến tụy      **D.** Tuyến nhờn

**Câu 11.** Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác ?

**A.** Tuyến sinh dục

**B.** Tuyến yên

**C.** Tuyến giáp

**D.** Tuyến tuỵ

**Câu 12.** Tuyến nội tiết nào có khối lượng lớn nhất trong cơ thể người ?

**A.** Tuyến giáp

**B.** Tuyến tùng

**C.** Tuyến yên

**D.** Tuyến trên thận

**Câu 13.** Thuỳ trước tuyến yên tiết ra hoocmôn nào dưới đây ?

**A.** TH      **B.** ADH

**C.** ACTH      **D.** OT

**Câu 14.** Trong các hoocmôn dưới đây, có bao nhiêu hoocmôn do thuỳ trước tuyến yên tiết ra ?

1. FSH

2. PRL

3. TH

4. ADH

5. OT

6. GH

**A.** 1      **B.** 3

**C.** 2      **D.** 4

**Câu 15.** Khi tác động lên buồng trứng, FSH có vai trò gì ?

**A.** Kích thích tiết testôstêrôn

**B.** Kích thích bao noãn phát và tiết ơstrôgen

**C.** Kích thích quá trình sinh tinh

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 16.** Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn nào dưới đây ?

**A.** Tirôxin

**B.** Ôxitôxin

**C.** Canxitônin

**D.** Glucagôn

**Câu 17.** Người bị bệnh Bazơđô thường có biểu hiện như thê nào ?

**A.** Sút cân nhanh

**B.** Mắt lồi

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Mất ngủ, luôn trong trạng thái hồi hộp, căng thẳng

**Câu 18.** Hiện tượng “người khổng lồ” có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hoocmôn nào ?

**A.** GH      **B.** FSH

**C.** LH      **D.** TSH

**Câu 19.** ADH sẽ tác động trực tiếp đến cơ quan nào dưới đây ?

**A.** Gan      **B.** Tim

**C.** Thận      **D.** Phổi

**Câu 20.** Hoocmôn nào dưới đây có tác dụng tăng cường sự co bóp cơ trơn, hỗ trợ quá trình tiết sữa và sinh nở ở phụ nữ ?

**A.** Ôxitôxin      **B.** Canxitônin

**C.** Insulin      **D.** Tirôxin

**Câu 21.** Hoocmôn insulin do tuyến tuỵ tiết ra có tác dụng sinh lí như thế nào ?

**A.** Chuyển glicôgen thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ

**B.** Chuyển glucôzơ thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ

**C.** Chuyển glicôgen thành glucôzơ dự trữ trong gan và cơ

**D.** Chuyển glucôzơ thành glicôgen dự trữ trong gan và cơ

**Câu 22.** Nhóm nào dưới đây gồm hai loại hoocmôn có tác dụng sinh lý trái ngược nhau ?

**A.** Insulin và canxitônin

**B.** Ôxitôxin và tirôxin

**C.** Insulin và glucagôn

**D.** Insulin và tirôxin

**Câu 23.** Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào dưới đây ?

**A.** GH      **B.** Glucagôn

**C.** Insulin      **D.** Ađrênalin

**Câu 24.** Vỏ tuyến trên thận được phân chia làm mấy lớp ?

**A.** 2 lớp      **B.** 3 lớp

**C.** 4 lớp      **D.** 5 lớp

**Câu 25.** Lớp nào của vỏ tuyến trên thận tiết ra hoocmôn điều hoà đường huyết ?

**A.** Lớp lưới

**B.** Lớp cầu

**C.** Lớp sợi

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 26.** Hoocmôn nào dưới đây do phần tuỷ tuyến trên thận tiết ra ?

**A.** Norađrênalin

**B.** Cooctizôn

**C.** Canxitônin

**D.** Tirôxin

**Câu2 7.** Hoocmôn điều hoà sinh dục nam có thể được tiết ra bởi tuyến nội tiết nào dưới đây ?

**A.** Tuyến tùng

**B.** Tuyến trên thận

**C.** Tuyến tuỵ

**D.** Tuyến giáp

**Câu 28.** Hoocmôn ađrênalin gây ra tác dụng sinh lí nào dưới đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Dãn phế quản

**C.** Tăng nhịp tim

**D.** Tăng nhịp hô hấp

**Câu 29.** Loại hooc môn nào dưới đây giúp điều chỉnh đường huyết khi cơ thể bị hạ đường huyết ?

**A.** Ađrênalin

**B.** Norađrênalin

**C.** Glucagôn

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 30.** Ở đảo tuỵ của người có bao nhiêu loại tế bào có khả năng tiết hoocmôn điều hoà đường huyết ?

**A.** 5 loại      **B.** 4 loại

**C.** 2 loại      **D.** 3 loại

**Câu 31.** Hoocmôn nào dưới đây tham gia vào cơ chế điều hoà sinh dục ở nam giới ?

**A.** Testôstêrôn

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** LH

**D.** FSH

**Câu 32.** Ở nam giới, testôstêrôn do loại tế bào nào tiết ra ?

**A.** Tế bào nón

**B.** Tế bào que

**C.** Tế bào hạch

**D.** Tế bào kẽ

**Câu 33.** Loại hoocmôn nào gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới ?

**A.** Ôxitôxin

**B.** Prôgestêrôn

**C.** Testôstêrôn

**D.** Ơstrôgen

**Câu 34 Ở nữ giới không mang thai, hoocmôn prôgestêrôn do bộ phận nào tiết ra ?**

**A.** Âm đạo

**B.** Tử cung

**C.** Thể vàng

**D.** Ống dẫn trứng

**Câu 35.** Trong quá trình phát triển của thai nhi, sự phân hoá giới tính kết thúc khi nào ?

**A.** Tuần thứ 12

**B.** Tuần thứ 7

**C.** Tuần thứ 9

**D.** Tuần thứ 28

**Câu 36.** Khi tuyến giáp tiết quá nhiều TH, hoocmôn này sẽ tác động ngược lên

**A.** vùng dưới đồi và tuyến trên thận.

**B.** tuyến giáp và tuyến yên.

**C.** vùng dưới đồi và tuyến giáp.

**D.** tuyến yên và vùng dưới đồi.

**Câu 37.**Khi tác dụng lên vùng dưới đồi, cooctizôn sẽ kìm hãm quá trình tiết hoocmôn nào ?

**A.** ACTH      **B.** FSH

**C.** GH      **D.** TSH

**Câu 38.** Hoocmôn nào dưới đây không tham gia vào cơ chế điều hoà đường huyết khi đường huyết giảm ?

**A.** Glucagôn      **B.** ACTH

**C.** Cooctizôn      **D.** Insulin

**Câu 40.** Cooctizôn do tuyến nội tiết nào tiết ra ?

**A.** Tuyến giáp

**B.** Tuyến trên thận

**C.** Tuyến yên

**D.** Tuyến tuỵ

**Câu 41.** Khi tác dụng lên thuỳ trước tuyến yên, TH sẽ kìm hãm sự tiết hoocmôn nào ?

**A.** TSH      **B.** FSH

**C.** GH      **D.** MSH

**Câu 42.** Ở người, có bao nhiêu tuyến nội tiết tham gia vào quá trình điều hoà đường huyết khi đường huyết hạ ?

**A.** 1      **B.** 2

**C.** 3      **D.** 4

**Câu 43.** Hoocmôn nào dưới đây có khả năng chuyển hoá glixêrin, axit amin thành glucôzơ ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Insulin

**C.** Cooctizôn

**D.** Glucagôn

**Câu 44Tuyến nội tiết nào dưới đây chịu ảnh hưởng bởi các hoocmôn tiết ra từ tuyến yên ?**

**A.** Tuyến trên thận

**B.** Tuyến sinh dục

**C.** Tuyến giáp

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 45.** Khi dư thừa, hoocmôn ơstrôgen sẽ tác động ngược lên thuỳ trước tuyến yên và kìm hãm quá trình tiết

**A.** FSH.      **B.** TSH.

**C.** MSH.      **D.** ACTH.

**Câu 46.** Tuyến nội tiết nào dưới đây tham gia vào cơ chế điều hoà hoạt động của tuyến giáp ?

**A.** Tuyến tuỵ

**B.** Tuyến trên thận

**C.** Tuyến yên

**D.** Tuyến tùng

**CHƯƠNG 10: SINH SẢN**

**Câu 1.** Ở cơ quan sinh dục nam, bộ phận nào là nơi sản xuất ra tinh trùng ?

**A.** Ống dẫn tinh

**B.** Túi tinh

**C.** Tinh hoàn

**D.** Mào tinh

**Câu 2.** Ở người, nhiệt độ thích hợp cho sự sản sinh tinh trùng nằm trong khoảng

**A.** 36-37oC      **B.** 37-38oC

**C.** 29-30oC      **D.** 33-34oC

**Câu 3.** Sau khi hoàn thiện về cấu tạo, tinh trùng được dự trữ ở đâu ?

**A.** Ống đái

**B.** Mào tinh

**C.** Túi tinh

**D.** Tinh hoàn

**Câu 4.** Tuyến Côpơ là tên gọi khác của

**A.** tuyến hành.

**B.** tuyến tiền liệt.

**C.** tuyến tiền đình.

**D.** tuyến trên thận.

**Câu 5.** Sau khi được tạo ra tại tinh hoàn, tinh trùng sẽ được đưa đến bộ phận nào để tiếp tục hoàn thiện về cấu tạo ?

**A.** Mào tinh

**B.** Túi tinh

**C.** Ống đái

**D.** Tuyến tiền liệt

**Câu 6.** Tinh trùng người có chiều dài khoảng

**A.** 0,1 mm.      **B.** 0,03 mm.

**C.** 0,06 mm.      **D.** 0,01 mm.

**Câu 7.** Ở nam giới khoẻ mạnh, số lượng tinh trùng trong mỗi lần phóng tinh nằm trong khoảng bao nhiêu ?

**A.** 50 – 80 triệu

**B.** 500 – 700 triệu

**C.** 100 – 200 triệu

**D.** 200 – 300 triệu

**Câu 8.** Trong cơ quan sinh dục nữ, tinh trùng có khả năng sống sót từ

**A.** 8 – 10 ngày.

**B.** 5 – 7 ngày.

**C.** 1 – 2 ngày.

**D.** 3 – 4 ngày.

**Câu 9.** Vì sao ở độ tuổi sơ sinh, tỉ lệ bé trai (XY) luôn lớn hơn tỉ lệ bé gái (XX) ?

**A.** Vì các hợp tử mang cặp NST giới tính XX (quy định bé gái) dễ bị chết ở trạng thái hợp tử.

**B.** Vì tinh trùng X có sức sống kém hơn nên dễ khả năng tiếp cận trứng luôn kém hiệu quả hơn tinh trùng X.

**C.** Vì tinh trùng Y nhỏ và nhẹ, bơi nhanh nên khả năng tiếp cận trứng (cơ sở để tạo ra bé trai) cao hơn tinh trùng X (cơ sở để tạo ra bé gái).

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 10.** Ở người, tinh trùng X và tinh trùng Y sai khác nhau ở phương diện nào ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Kích thước

**C.** Khối lượng

**D.** Khả năng hoạt động và sống sót

**Câu 1.** Ở cơ quan sinh dục nữ, bộ phận nào dưới đây nối trực tiếp với ống dẫn trứng ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Tử cung

**C.** Âm đạo

**D.** Âm vật

**Câu 2.** Ở cơ quan sinh dục nữ, bộ phận nào có vai trò tiết chất nhờn để bôi trơn ?

**A.** Tuyến tiền đình

**B.** Tuyến hành

**C.** Tuyến tiền liệt

**D.** Ống dẫn trứng

**Câu 3.** Một người phụ nữ bình thường có khoảng bao nhiêu trứng đạt đến độ trưởng thành ?

**A.** 2000 trứng

**B.** 400 trứng

**C.** 1000 trứng

**D.** 800 trứng

**Câu 4.** Ở người, sau khi rụng, trứng chỉ duy trì được khả năng thụ tinh trong vòng

**A.** 12 giờ.      **B.** 24 giờ.

**C.** 6 giờ.      **D.** 48 giờ.

**Câu 5.** Theo chiều lưng-bụng thì ống đái, âm đạo và trực tràng của người phụ nữ sắp xếp theo trật tự như thế nào ?

**A.** Ống đái – âm đạo – trực tràng

**B.** Âm đạo – Trực tràng - ống đái

**C.** Trực tràng – ống đái – âm đạo

**D.** Trực tràng – âm đạo - ống đái

**Câu 6.** Trong cơ quan sinh dục nữ, bộ phận nào dưới đây nằm tách biệt với những bộ phận còn lại ?

**A.** Ống dẫn trứng

**B.** Tử cung

**C.** Âm đạo

**D.** Âm vật

**Câu 7.** Chu kì rụng trứng ở người bình thường nằm trong khoảng

**A.**14 – 20 ngày.

**B.** 24 – 28 ngày.

**C.** 28 – 32 ngày.

**D.** 35 – 40 ngày.

**Câu 8.** Ở nữ giới, trứng sau khi thụ tinh thường làm tổ ở đâu ?

**A.** Buồng trứng

**B.** Âm đạo

**C.** Ống dẫn trứng

**D.** Tử cung

**Câu 9.** Tế bào trứng ở người có đường kính khoảng

**A.** 0,65 – 0,7 mm.

**B.** 0,05 – 0,12 mm.

**C.** 0,15 – 0,25 mm.

**D.** 0,3 – 0,45 mm.

**Câu 10.** Ở những phụ nữ có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì nếu trứng không được thụ tinh, thể vàng sẽ được bong ra sau

**A.** 14 ngày.      **B.** 28 ngày.

**C.** 32 ngày.      **D.** 20 ngày.

**Câu 1.** Trong cơ quan sinh dục nữ, sự thụ tinh thường diễn ra ở đâu ?

**A.** Âm đạo

**B.** Ống dẫn trứng

**C.** Buồng trứng

**D.** Tử cung

**Câu 2.** Thông thường, sau khi thụ tinh thì mất bao lâu để hợp tử di chuyển xuống tử cung và làm tổ tại đấy ?

**A.** 7 ngày      **B.** 14 ngày

**C.** 24 ngày      **D.** 3 ngày

**Câu 3.**Trong 3 tháng đầu của thai kỳ, hoocmôn prôgestêrôn được tiết ra chủ yếu nhờ bộ phận nào ?

**A.** Tử cung

**B.** Thể vàng

**C.** Nhau thai

**D.** Ống dẫn trứng

**Câu 4.** Hiện tượng kinh nguyệt là dấu hiệu chứng tỏ

**A.** trứng đã được thụ tinh nhưng không rụng.

**B.** hợp tử được tạo thành bị chết ở giai đoạn sớm.

**C.** trứng không có khả năng thụ tinh.

**D.** trứng chín và rụng nhưng không được thụ tinh.

**Câu 5.** Ở nữ giới có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì trong các thời điểm sau, nồng độ LH đạt giá trị cao nhất ở thời điểm nào ?

**A.** Ngày thứ 28 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

**B.** Ngày thứ 14 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

**C.** Ngày kinh đầu tiên của mỗi chu kì

**D.** Ngày kinh cuối cùng của mỗi chu kì

**Câu 6.** Quá trình mang thai ở người thường kéo dài trong bao lâu ?

**A.** 280 ngày      **B.** 290 ngày

**C.** 260 ngày      **D.** 240 ngày

**Câu 7.** Ở một người phụ nữ có chu kì đều đặn 28 ngày, giả sử ngày kinh đầu tiên của một chu kì là ngày mùng 2 thì trong các thời điểm sau, ở thời điểm nào trong tháng, người phụ nữ đó sẽ có nồng độ prôgestêrôn cao nhất ?

**A.** Ngày mùng 3

**B.** Ngày 30

**C.** Ngày 10

**D.** Ngày 20

**Câu 8.** Ở nữ giới, hoocmôn nào dưới đây không tham gia vào hoạt động điều hoà kinh nguyệt ?

**A.** Prôgestêrôn

**B.** Ôxitôxin

**C.** LH

**D.** FSH

**Câu 9.** Thai nhi thực hiện quá trình trao đổi chất với cơ thể mẹ thông qua bộ phận nào ?

**A.** Buồng trứng

**B.** Ruột

**C.** Nhau thai

**D.** Ống dẫn trứng

**Câu 10.** Hiện tượng chậm kinh có thể phát sinh do nguyên nhân nào dưới đây ?

**A.** Tác dụng phụ của các loại thuốc : thuốc tránh thai, thuốc chống trầm cảm,…

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Mang thai

**D.** Rối loạn tâm lý : lo âu, căng thẳng,….

**Câu 1.** Bệnh nào dưới đây thường khó phát hiện ở nữ giới hơn là nam giới và chỉ khi đến giai đoạn muộn mới biểu hiện thành triệu chứng ?

**A.**Tất cả các phương án còn lại

**B.** HIV

**C.** Lậu

**D.** Giang mai

**Câu 2.** Tác nhân gây bệnh lậu là một loại

**A.** xoắn khuẩn.

**B.** song cầu khuẩn.

**C.** tụ cầu khuẩn.

**D.** trực khuẩn.

**Câu 3.** Nam giới bị bệnh lậu thường có triệu chứng nào sau đây ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Đái buốt

**C.** Tiểu tiện có máu lẫn mủ

**D.** Phù nề, đỏ miệng sáo

**Câu 4.** Biện pháp hiệu quả nhất giúp phòng ngừa nhiễm lậu là gì ?

**A.** Thắt ống dẫn tinh

**B.** Đặt dụng cụ tử cung

**C.** Giữ gìn vệ sinh thân thể

**D.** Quan hệ tình dục an toàn

**Câu 5.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Bệnh giang mai do một loại … gây ra.

**A.** phẩy khuẩn      **B.** cầu khuẩn

**C.** virut      **D.** xoắn khuẩn

**Câu 6.** Chúng ta có thể lây nhiễm vi khuẩn giang mai qua con đường nào dưới đây ?

**A.** Qua quan hệ tình dục không an toàn

**B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Qua truyền máu hoặc các vết xây xát

**D.** Qua nhau thai từ mẹ sang con

**Câu 7.** Người bị bệnh giang mai có xuất hiện triệu chứng nào dưới đây ?

**A.** Tiêu chảy cấp

**B.** Tiểu buốt

**C.** Xuất hiện các vết loét nông, cứng, có bờ viền và không đau

**D.** Tiểu ra máu có lẫn mủ do viêm

**Câu 8.** Phụ nữ mắc bệnh nào dưới đây thì con sinh ra có nguy cơ mù loà cao hơn người bình thường ?

**A.** Lậu      **B.** Giang mai

**C.** HIV/AIDS      **D.** Viêm gan C

**Câu 9.** Bệnh nào dưới đây thường gây tổn thương phủ tạng và hệ thần kinh ?

**A.** Giang mai      **B.** Lậu

**C.** Lang ben      **D.** Vảy nến

**Câu 10.** Bệnh nào dưới đây lây truyền qua đường tình dục ?

**A.** Tất cả các phương án còn lại

**B.** Giang mai

**C.** Lậu

**D.** Viêm gan B

**Câu 1.** HIV có thể lây truyền qua con đường nào dưới đây ?

**A.** Đường máu

**B.** Từ mẹ sang con

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Qua quan hệ tình dục không an toàn

**Câu 2.** AIDS là chữ tắt của thuật ngữ quốc tế mà nghĩa tiếng Việt là

**A.** Hội chứng bệnh lây truyền qua đường máu.

**B.** Hội chứng bệnh lây truyền qua đường tình dục.

**C.** Hội chứng suy giảm miễn dịch.

**D.** Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải.

**Câu 3.** Phần lõi của HIV chứa bao nhiêu phân tử ARN ?

**A.** 4      **B.** 3

**C.** 2      **D.** 1

**Câu 4.** Khi xâm nhập vào cơ thể người, HIV tấn công chủ yếu vào loại tế bào nào ?

**A.** Đại thực bào

**B.** Tế bào limphô B

**C.** Tế bào limphô T

**D.** Bạch cầu ưa axit

**Câu 5.** Khi xâm nhập vào cơ thể, HIV sẽ làm suy giảm hệ thống miễn dịch. Đây là điều kiện thuận lợi để các tác nhân gây bệnh khác xâm nhập và hoành hành. Những bệnh kéo theo này được gọi chung là

**A.** bệnh cơ hội.

**B.** bệnh truyền nhiễm.

**C.** bệnh tự miễn.

**D.** bệnh di truyền.

**Câu 6.** Thời gian không biểu hiện triệu chứng của người nhiễm HIV có thể kéo dài từ

**A.** 2 – 10 năm.

**B.** 6 – 12 tháng.

**C.** 20 – 25 năm.

**D.** 1 – 3 tháng.

**Câu 7.** Khi nói về HIV/AIDS, nhận định nào dưới đây là đúng ?

**A.** Hiện chưa có thuốc đặc trị

**B.** Lây nhiễm chủ yếu qua đường ăn uống

**C.** Thường tấn công hồng cầu khi xâm nhập vào cơ thể

**D.** Tác nhân gây bệnh là một loài vi khuẩn

**Câu 8.** Người mẹ bị nhiễm HIV có thể lây truyền cho con qua đường nào dưới đây ?

**A.** Chạm vào người con

**B.** Nói chuyện với con

**C.** Cho con bú sữa của mình

**D.** Ngủ cùng con

**Câu 9.** Việt Nam công bố với thế giới về ca nhiễm HIV đầu tiên vào năm nào ?

**A.** 1986      **B.** 1985

**C.** 1991      **D.** 1990

**Câu 10.** Trong quan hệ tình dục, biện pháp nào dưới đây giúp bạn phòng ngừa lây nhiễm HIV ?

**A.** Uống thuốc tránh thai

**B.** Tính ngày trứng rụng

**C.** Đặt dụng cụ tử cung

**D.** Sử dụng bao cao su